



BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
LẦN THỨ NĂM - KHU VỰC PHÍA BẮC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-HĐKT ngày 08/5/2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)*

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	MB-01	Đầu Hoàng	An	Nữ	25/6/1992	Thanh Hóa	24.50	62	Không đạt
2	MB-02	Phạm Hưng	An	Nam	08/12/1974	Ninh Thuận	32.25	64	Không đạt
3	MB-03	Hà Thanh	An	Nam	31/8/1977	Hà Nội	39.75	54	Không đạt
4	MB-04	Nguyễn Thanh	An	Nữ	26/12/1991	Nghệ An	29.50	62	Không đạt
5	MB-05	Đào Thúy	An	Nữ	25/01/1990	Hà Nội	41.25	64	Không đạt
6	MB-06	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	04/01/1984	Khánh Hòa	14.00	40	Không đạt
7	MB-07	Nguyễn Tiến	An	Nam	08/3/1991	Hà Nội	26.00	52	Không đạt
8	MB-08	Bùi Thị	Ân	Nữ	10/5/1991	Hà Nội			Không đạt
9	MB-09	Hoàng Thị	Ân	Nữ	16/4/1986	Hà Nội	27.25	54	Không đạt
10	MB-10	Trần Đình Bảo	Anh	Nam	10/4/1994	Hà Nội	15.75	66	Không đạt
11	MB-11	Phan Diệu	Anh	Nữ	24/8/1995	Hà Nội	36.13	54	Không đạt
12	MB-12	Trần Đức	Anh	Nam	02/8/1994	Nghệ An	30.13	50	Không đạt
13	MB-13	Nguyễn Bá Duy	Anh	Nam	21/7/1995	Hà Nội	33.63	62	Không đạt
14	MB-14	Trần Duy	Anh	Nam	12/12/1997	Hà Nội	58.63	88	Đạt
15	MB-15	Trần Hải	Anh	Nam	26/3/1996	Hà Giang	17.88	50	Không đạt
16	MB-16	Trần Huệ	Anh	Nữ	22/11/1994	Hà Nội	28.25	70	Không đạt
17	MB-17	Bùi Thị Kim	Anh	Nữ	26/12/1990	Hà Nội	27.75	48	Không đạt
18	MB-18	Đỗ Thị Kim	Anh	Nữ	18/4/1996	Đắk Lắk	40.75	58	Không đạt
19	MB-19	Thái Doãn Lâm	Anh	Nam	15/02/1983	Nghệ An	36.50	64	Không đạt
20	MB-20	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	28/8/1992	Cao Bằng	21.38	62	Không đạt
21	MB-21	Đặng Nhật Lan	Anh	Nữ	06/12/1999	Thái Bình			Không đạt
22	MB-22	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	27/6/1992	Lạng Sơn	30.13	46	Không đạt
23	MB-23	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	12/02/1986	Gia Lai	32.63	72	Không đạt
24	MB-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/10/1998	Hà Nội	51.00	64	Đạt
25	MB-25	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	21/4/1996	Thanh Hóa	34.63	70	Không đạt
26	MB-26	Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	25/9/1996	Quảng Ninh	22.13	44	Không đạt
27	MB-27	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Nữ	24/8/1992	Bắc Ninh	20.13	56	Không đạt
28	MB-28	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/8/1985	Hà Nội	39.50	60	Không đạt
29	MB-29	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	01/10/1997	Phú Thọ	44.00	62	Không đạt
30	MB-30	Phạm Thị Ngọc	Anh	Nữ	20/01/1996	Quảng Nam	26.50	62	Không đạt
31	MB-31	Trần Thị Ngọc	Anh	Nữ	14/12/1997	Hà Nội	37.50	80	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
32	MB-32	Hoàng Nhật	Anh	Nam	04/9/1996	Hà Nội	35.38	74	Không đạt
33	MB-33	Ngô Phương	Anh	Nữ	12/10/1992	Hà Nội	39.75	70	Không đạt
34	MB-34	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	31/12/1997	Hà Nội	19.75	68	Không đạt
35	MB-35	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	50.00	72	Đạt
36	MB-36	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	19/6/1996	Quảng Ninh	54.38	62	Đạt
37	MB-37	Vương Quốc	Anh	Nam	05/9/1997	Hà Nội	51.13	74	Đạt
38	MB-38	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	30/5/1990	Hà Nội	60.00	76	Đạt
39	MB-39	Dương Thế	Anh	Nam	16/3/1977	Hà Nội			Không đạt
40	MB-40	Lê Thế	Anh	Nam	12/8/1991	Hà Nội	31.00	68	Không đạt
41	MB-41	Đoàn Thị	Anh	Nữ	12/7/1988	Hà Nội	44.25	68	Không đạt
42	MB-42	Lưu Thị	Anh	Nữ	13/10/1994	Hải Dương	42.38	72	Không đạt
43	MB-43	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	15/01/1993	Điện Biên	32.13	78	Không đạt
44	MB-44	Trần Thị	Anh	Nữ	22/11/1991	Phú Thọ	29.38	40	Không đạt
45	MB-45	Vũ Thục	Anh	Nữ	05/7/1965	Hà Nội			Không đạt
46	MB-46	Vi Thị Thùy	Anh	Nữ	14/12/1993	Hà Nội	45.63	64	Không đạt
47	MB-47	Trần Trâm	Anh	Nữ	25/11/1996	Hà Nội	32.75	78	Không đạt
48	MB-48	Lương Thị Trung	Anh	Nữ	09/11/1994	Hà Nội	56.00	62	Đạt
49	MB-49	Nguyễn Tú	Anh	Nam	21/01/1994	Thái Bình	26.00	48	Không đạt
50	MB-50	Đặng Tuấn	Anh	Nam		Hà Nội			Không đạt
51	MB-51	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	01/7/1991	Yên Bái	38.13	70	Không đạt
52	MB-52	Ngô Tuấn	Anh	Nam	30/8/1994	Hà Nội	30.50	50	Không đạt
53	MB-53	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	27/9/1983	Hà Nội	38.13	56	Không đạt
54	MB-54	Phạm Tuấn	Anh	Nam	19/4/1987	Vĩnh Phúc	22.25	56	Không đạt
55	MB-55	Phan Tuấn	Anh	Nam	23/6/1982	Hà Nội	7.38	46	Không đạt
56	MB-56	Nguyễn Tất Tuấn	Anh	Nam	18/10/1985	Bắc Ninh	41.13	60	Không đạt
57	MB-57	Trần Tuấn	Anh	Nam	12/3/1976	Hưng Yên	33.50	60	Không đạt
58	MB-58	Võ Tuấn	Anh	Nam	06/11/1991	Nghệ An	25.13	60	Không đạt
59	MB-59	Ngô Vũ Tuấn	Anh	Nam	16/01/1989	Tuyên Quang	26.75	72	Không đạt
60	MB-60	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	22/10/1986	Hải Phòng	51.75	78	Đạt
61	MB-61	Hồ Thị Vân	Anh	Nữ	05/12/1989	Tuyên Quang	22.25	42	Không đạt
62	MB-62	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	19/6/1991	Hải Dương			Không đạt
63	MB-63	Phạm Trần Vân	Anh	Nữ	22/7/1996	Đắk Lắk	22.13	66	Không đạt
64	MB-64	Trần Thị Yến	Anh	Nữ	29/6/1993	Hà Nội	31.88	50	Không đạt
65	MB-65	Hoàng	Anh	Nam	07/12/1983	Hà Nội	35.50	62	Không đạt
66	MB-66	Đỗ Ngọc	Ánh	Nam	14/7/1967	Khánh Hòa	18.75	38	Không đạt
67	MB-67	Hứa Ngọc	Ánh	Nam	23/01/1994	Hà Nội	51.00	74	Đạt
68	MB-68	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/10/1994	Hà Nội	62.50	76	Đạt
69	MB-69	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16/5/1995	Quảng Bình	23.75	52	Không đạt
70	MB-70	Tô Ngọc	Ánh	Nữ	31/12/1988	Hà Nội	36.00	58	Không đạt
71	MB-71	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	15/6/1993	Nghệ An	51.00	70	Đạt
72	MB-72	Phạm Thị	Ánh	Nữ	09/10/1988	Hà Nội	36.00	58	Không đạt
73	MB-73	Từ Thị	Ánh	Nữ	30/11/1980	Hà Nội	31.50	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
74	MB-74	Hoàng Văn	Ánh	Nam	03/11/1975	Hà Nội			Không đạt
75	MB-75	Nguyễn Thị Thanh	Ba	Nữ	02/7/1989	Đà Nẵng	23.25	56	Không đạt
76	MB-76	Đoàn Quang	Bá	Nam	06/01/1970	Hà Tĩnh	19.75	64	Không đạt
77	MB-77	Hoàng Xuân	Bách	Nam	21/9/1989	Thanh Hóa	26.25	70	Không đạt
78	MB-78	Trần Vũ	Ban	Nam	01/01/1965	Quảng Ngãi	36.25	54	Không đạt
79	MB-79	Ngô Thị	Bản	Nữ	17/9/1991	Thái Nguyên	21.75	44	Không đạt
80	MB-80	Nguyễn Xuân	Bản	Nam	11/10/1974	Hải Phòng	7.25	46	Không đạt
81	MB-81	Nguyễn Tuệ	Bằng	Nam	25/9/1994	Hà Nội	30.00	70	Không đạt
82	MB-82	Trần Văn	Bằng	Nam	24/3/1983	Hà Nam	42.25	54	Không đạt
83	MB-83	Đào Ngọc	Bảo	Nữ	07/9/1993	Bắc Ninh	35.00	54	Không đạt
84	MB-84	Võ Văn	Bảo	Nam	15/01/1994	Quảng Nam	33.25	72	Không đạt
85	MB-85	Mã Đình	Bày	Nam	01/11/1993	Yên Bái	53.25	84	Đạt
86	MB-86	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	11/4/1993	Quảng Ninh	52.00	84	Đạt
87	MB-87	Đào Thị	Bích	Nữ	15/10/1989	Hà Nội	59.50	76	Đạt
88	MB-88	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	10/12/1986	Hà Nội	28.25	66	Không đạt
89	MB-89	Phan Xuân	Bính	Nam	16/01/1976	Hà Tĩnh	0.50	40	Không đạt
90	MB-90	Nguyễn Đức	Biên	Nam	20/6/1987	Hà Nội	28.50	64	Không đạt
91	MB-91	Nguyễn Hoàng	Binh	Nam	10/01/1994	Hà Nội	41.25	78	Không đạt
92	MB-92	Vũ Nguyễn Thái	Bình	Nam	25/5/1994	Đắk Lắk	19.50	46	Không đạt
93	MB-93	Vũ Thanh	Bình	Nữ	14/11/1986	Lào Cai	63.75	62	Đạt
94	MB-94	Hoàng Thị	Bình	Nữ	24/8/1996	Hà Nội	23.50	50	Không đạt
95	MB-95	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/9/1992	Bắc Ninh	50.50	60	Đạt
96	MB-96	Trần Thị	Bình	Nữ	15/7/1965	Bắc Giang	23.88	40	Không đạt
97	MB-97	Trương Thị	Bình	Nữ	11/01/1966	Hà Nội	7.00	40	Không đạt
98	MB-98	Đỗ Văn	Bộ	Nam	27/7/1977	Bắc Ninh	14.38	60	Không đạt
99	MB-99	Nguyễn Khánh	Cầm	Nam	04/01/1989	Đà Nẵng	35.88	68	Không đạt
100	MB-100	Mai Thế	Cần	Nam	29/7/1977	Đà Nẵng	21.13	68	Không đạt
101	MB-101	Vũ Minh	Cảnh	Nam	17/9/1989	Thái Bình	27.13	62	Không đạt
102	MB-102	Nguyễn Quốc	Cảnh	Nam	07/01/1959	Hải Dương	29.75	76	Không đạt
103	MB-103	Trịnh Văn	Cảnh	Nam	26/9/1962	Hà Nội	3.00	46	Không đạt
104	MB-104	Lê Ngọc	Cát	Nam	08/5/1984	Lạng Sơn	26.00	62	Không đạt
105	MB-105	Hoàng Thị Thu	Chang	Nữ	22/6/1992	Phú Thọ	30.88	66	Không đạt
106	MB-106	Lê Thị	Chang	Nữ	18/02/1992	Hà Nội	17.88	84	Không đạt
107	MB-107	Nguyễn Thị Hà	Chi	Nữ	02/02/1987	Nam Định	35.75	48	Không đạt
108	MB-108	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	26/01/1990	Đắk Lắk	16.75	52	Không đạt
109	MB-109	Vũ Thị Kim	Chi	Nữ	06/4/1985	Kon Tum	38.50	66	Không đạt
110	MB-110	Tô Kim	Chi	Nữ	11/4/1985	Hà Nội	36.25	50	Không đạt
111	MB-111	Bùi Lê Lan	Chi	Nữ	01/6/1989	Gia Lai	53.50	74	Đạt
112	MB-112	Quách Linh	Chi	Nữ	17/3/1995	Thái Nguyên	51.00	84	Đạt
113	MB-113	Phan Mai	Chi	Nữ	06/2/1987	Nghệ An	33.75	70	Không đạt
114	MB-114	Trương Thị Mỹ	Chi	Nữ	19/4/1983	Gia Lai	38.25	72	Không đạt
115	MB-115	Đinh Anh	Chiến	Nam	14/8/1979	Hà Nội	21.88	56	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
116	MB-116	Phạm Chí	Chiến	Nam	31/7/1996	Đà Nẵng	51.00	74	Đạt
117	MB-117	Đặng Văn	Chiến	Nam	01/02/1987	Nam Định	45.00	72	Không đạt
118	MB-118	Lê Văn	Chiến	Nam	14/4/1985	Thanh Hóa	33.50	78	Không đạt
119	MB-119	Đỗ Đức	Chinh	Nam	21/8/1987	Hải Phòng	29.00	70	Không đạt
120	MB-120	Nguyễn Thị Mai	Chinh	Nữ	14/4/1985	Hải Phòng	50.75	82	Đạt
121	MB-121	Nguyễn Thị Phương	Chinh	Nữ	03/8/1996	Bắc Giang	39.00	60	Không đạt
122	MB-122	Đỗ Thị	Chinh	Nữ	22/3/1995	Bắc Ninh	28.63	52	Không đạt
123	MB-123	Hoàng Thị	Chinh	Nữ	17/01/1980	Thanh Hóa			Không đạt
124	MB-124	Nguyễn Đức	Chinh	Nam	22/5/1981	Hải Dương	28.25	70	Không đạt
125	MB-125	Nguyễn Thị	Chinh	Nữ	14/12/1990	Bắc Giang	50.63	76	Đạt
126	MB-126	Lò Văn	Chuẩn	Nam	18/4/1966	Sơn La	6.00	30	Không đạt
127	MB-127	Lại Thị	Chúc	Nữ	09/02/1990	Ninh Bình	18.75	64	Không đạt
128	MB-128	Lê Đức	Chung	Nam	31/01/1984	Hải Phòng	11.50	64	Không đạt
129	MB-129	Huỳnh Ngọc	Chung	Nam	12/9/1991	Quảng Ngãi	36.50	62	Không đạt
130	MB-130	Đinh Thị	Chung	Nữ	17/12/1966	Tuyên Quang	33.25	50	Không đạt
131	MB-131	Trương Nữ Trần	Chung	Nữ	06/3/1985	Phú Yên	26.75	42	Không đạt
132	MB-132	Trần Đức	Chước	Nam	06/5/1986	Hải Phòng	20.75	50	Không đạt
133	MB-133	Lương Văn	Chuyển	Nam	16/12/1988	Lạng Sơn	24.25	64	Không đạt
134	MB-134	Đỗ Thị Hồng	Chuyển	Nữ	17/11/1991	Hà Nội			Không đạt
135	MB-135	Nguyễn Minh	Công	Nam	05/10/1998	Nghệ An	34.00	56	Không đạt
136	MB-136	Nguyễn Thành	Công	Nam	27/3/1983	Quảng Nam	23.75	58	Không đạt
137	MB-137	Nguyễn Văn	Công	Nam	20/9/1983	Lào Cai	6.50	40	Không đạt
138	MB-138	Phạm Thị Thu	Cúc	Nữ	13/3/1995	Hải Dương	37.25	68	Không đạt
139	MB-139	Phạm Thị Thu	Cúc	Nữ	20/9/1963	Thái Bình			Không đạt
140	MB-140	Phạm Tiến	Cường	Nam	10/02/1981	Hải Phòng	12.75	38	Không đạt
141	MB-141	Hoàng Thị	Cương	Nữ	02/6/1993	Tuyên Quang	25.00	68	Không đạt
142	MB-142	Trần Văn	Cương	Nam	21/5/1974	Hà Nội	32.75	72	Không đạt
143	MB-143	Trương Văn	Cương	Nam	22/4/1985	Hà Nội	13.75	42	Không đạt
144	MB-144	Doãn Bảo	Cường	Nam	30/10/1992	Hà Nội	50.50	62	Đạt
145	MB-145	Đặng Cao	Cường	Nam	28/7/1993	Bình Định	27.50	58	Không đạt
146	MB-146	Nguyễn Cao	Cường	Nam	05/3/1979	Yên Bái	28.75	50	Không đạt
147	MB-147	Đỗ Hoàng	Cường	Nam	16/11/1986	Hà Nội	39.25	52	Không đạt
148	MB-148	Nguyễn Khắc	Cường	Nam	15/01/1981	Đà Nẵng	50.25	86	Đạt
149	MB-149	Khổng Trọng	Cường	Nam	13/6/1994	Phú Thọ	52.75	74	Đạt
150	MB-150	Hà Văn	Cường	Nam	05/7/1984	Đắk Lắk			Không đạt
151	MB-151	Nguyễn Việt	Cường	Nam	23/12/1990	Hải Dương	32.25	58	Không đạt
152	MB-152	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	07/10/1996	Nghệ An	16.00	48	Không đạt
153	MB-153	Đỗ Công	Đa	Nam	13/10/1960	Khánh Hòa	18.00	76	Không đạt
154	MB-154	Nguyễn Văn	Đắc	Nam	04/3/1961	Thái Nguyên	15.25	48	Không đạt
155	MB-155	Nguyễn Chí	Đại	Nam	26/8/1973	Lai Châu	34.00	66	Không đạt
156	MB-156	Trần Hữu	Đại	Nam	25/12/1992	Hà Tĩnh	29.00	70	Không đạt
157	MB-157	Giang Lê	Đại	Nam	24/9/1994	Hà Nội	37.63	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
158	MB-158	Nguyễn Ngọc	Đại	Nam	25/9/1990	Hà Nội	50.38	74	Đạt
159	MB-159	Nguyễn Văn	Đại	Nam	13/7/1991	Bắc Ninh	17.75	54	Không đạt
160	MB-160	Trịnh Xuân	Đại	Nam	05/7/1991	Đắk Lắk	11.50	48	Không đạt
161	MB-161	Nguyễn Thị	Dân	Nữ	01/3/1964	Phú Thọ	15.63	44	Không đạt
162	MB-162	Nguyễn Hữu	Dân	Nam	14/6/1962	Quảng Ninh	31.88	70	Không đạt
163	MB-163	Lê Thị Linh	Đan	Nữ	18/8/1992	Quảng Bình	51.13	64	Đạt
164	MB-164	Lê Đặng Uyên	Đan	Nữ	02/5/1994	Đắk Lắk	33.00	62	Không đạt
165	MB-165	Nguyễn Anh	Đào	Nữ	28/02/1977	Hà Nội	38.25	72	Không đạt
166	MB-166	Vũ Thị	Đào	Nữ	19/12/1991	Nam Định	41.38	64	Không đạt
167	MB-167	Hoàng Hữu	Đạo	Nam	15/5/1995	Bắc Giang	50.88	74	Đạt
168	MB-168	Hoàng Mạnh	Đạt	Nam	28/10/1983	Hà Nam	29.75	56	Không đạt
169	MB-169	Phan Thành	Đạt	Nam	30/7/1995	Thừa Thiên Huế	20.13	56	Không đạt
170	MB-170	Đặng Thúy	Đạt	Nữ	24/11/1993	Hà Nội	31.88	62	Không đạt
171	MB-171	Trần Văn	Đạt	Nam	25/3/1993	Kon Tum	41.75	62	Không đạt
172	MB-172	Đặng Ngọc	Đẹp	Nam	28/9/1991	Hà Nội	27.75	56	Không đạt
173	MB-173	Nguyễn Hoàng	Diễm	Nữ	28/12/1989	Quảng Nam	51.25	68	Đạt
174	MB-174	Đinh Ngọc	Diễm	Nữ	22/7/1993	Khánh Hòa	37.63	62	Không đạt
175	MB-175	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	Nữ	10/8/1995	Quảng Nam	51.75	86	Đạt
176	MB-176	Hà Thị	Diên	Nữ	15/02/1994	Thái Nguyên	52.00	66	Đạt
177	MB-177	Nguyễn Văn	Diên	Nam	11/02/1966	Quảng Ninh	21.38	52	Không đạt
178	MB-178	Vũ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	12/6/1994	Quảng Ninh	43.00	66	Không đạt
179	MB-179	Trương Ngọc	Diệp	Nữ	26/11/1997	Đắk Lắk	69.25	84	Đạt
180	MB-180	Dương Thị	Diệp	Nữ	10/12/1995	Thái Nguyên	58.13	84	Đạt
181	MB-181	Nguyễn Văn	Diệp	Nam	28/3/1987	Vĩnh Phúc	31.88	38	Không đạt
182	MB-182	Vy Thị	Định	Nữ	18/9/1995	Hà Nội	45.75	78	Không đạt
183	MB-183	Nguyễn Văn	Định	Nam	10/01/1993	Đà Nẵng	41.88	78	Không đạt
184	MB-184	Nguyễn Văn	Định	Nam	08/10/1990	Hải Phòng	40.38	76	Không đạt
185	MB-185	Nguyễn Thành	Đô	Nam	21/12/1995	Hà Nội	33.88	82	Không đạt
186	MB-186	Trần Đức	Độ	Nam	06/7/1992	Đà Nẵng	20.13	76	Không đạt
187	MB-187	Trần Công	Đoan	Nam	30/12/1994	Hà Nội	13.13	38	Không đạt
188	MB-188	Đinh Đỗ Đài	Đoan	Nữ	09/5/1991	Khánh Hòa	26.38	54	Không đạt
189	MB-189	Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	22/5/1991	Quảng Ngãi	51.00	74	Đạt
190	MB-190	Hà Quốc	Đoàn	Nam	24/4/1986	Vĩnh Phúc	14.25	52	Không đạt
191	MB-191	Hoàng Văn	Đoàn	Nam	17/10/1988	Lạng Sơn	36.75	76	Không đạt
192	MB-192	Nguyễn Văn	Đông	Nam	15/11/1999	Hà Nội	39.63	76	Không đạt
193	MB-193	Đặng Quang	Đông	Nam	15/12/1965	Sơn La	19.63	62	Không đạt
194	MB-194	Trần Đức	Đồng	Nam	28/4/1974	Ninh Thuận	25.13		Không đạt
195	MB-195	Cáp Trọng	Du	Nam	12/5/1988	Bắc Ninh	25.63	48	Không đạt
196	MB-196	Nguyễn Thế	Dự	Nam	28/01/1985	Bắc Ninh	15.75	46	Không đạt
197	MB-197	Lê Anh	Đức	Nam	20/01/1987	Gia Lai	35.00	62	Không đạt
198	MB-198	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	20/6/1976	Đắk Lắk	25.63	66	Không đạt
199	MB-199	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	02/01/1991	Hà Nội	30.38	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
200	MB-200	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	06/10/1989	Hà Nội	32.50	82	Không đạt
201	MB-201	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	12/4/1986	Phú Thọ	17.75	46	Không đạt
202	MB-202	Ngô Thanh Huỳnh	Đức	Nam	07/11/1997	Hà Nội	52.88	74	Đạt
203	MB-203	Nguyễn Khoa	Đức	Nam	04/3/1994	Quảng Ngãi	33.38	80	Không đạt
204	MB-204	Trần Phương	Đức	Nam	04/12/1983	Quảng Nam	15.63	62	Không đạt
205	MB-205	Nguyễn Văn	Đức	Nam	06/11/1977	Hải Phòng	18.63	64	Không đạt
206	MB-206	Dương	Đức	Nam	17/8/1992	Quảng Ninh	32.00	66	Không đạt
207	MB-207	Trần Hạnh	Dung	Nữ	28/02/1994	Khánh Hòa	28.25	72	Không đạt
208	MB-208	Đinh Thị Kiều	Dung	Nữ	08/3/1989	Bình Định	53.38	84	Đạt
209	MB-209	Dương Thị Kim	Dung	Nữ	04/8/1965	Phú Thọ	21.75	36	Không đạt
210	MB-210	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	25/3/1995	Hà Nội	36.13	58	Không đạt
211	MB-211	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	22/11/1963	Nam Định			Không đạt
212	MB-212	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	24/11/1966	Vĩnh Phúc	14.25	46	Không đạt
213	MB-213	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	14/7/1992	Hòa Bình	52.00	50	Đạt
214	MB-214	Nguyễn Lê	Dung	Nữ	13/7/1982	Khánh Hòa	25.13	60	Không đạt
215	MB-215	Lưu Thị Ngọc	Dung	Nữ	04/6/1983	Hải Phòng	34.63	56	Không đạt
216	MB-216	Đỗ Thị	Dung	Nữ	22/10/1997	Hà Nội	31.63	74	Không đạt
217	MB-217	Dương Thị	Dung	Nữ	10/11/1997	Thanh Hóa	30.63	62	Không đạt
218	MB-218	Hoàng Thị	Dung	Nữ	04/6/1995	Nghệ An	31.25	62	Không đạt
219	MB-219	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	11/7/1989	Đà Nẵng	33.38	76	Không đạt
220	MB-220	Lê Thị Thu	Dung	Nữ	17/9/1980	Bình Định	7.38	34	Không đạt
221	MB-221	Lê Thị Thu	Dung	Nữ	22/10/1999	Hà Nội	36.13	68	Không đạt
222	MB-222	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	23/5/1993	Quảng Trị	28.25	66	Không đạt
223	MB-223	Lưu Thị Thùy	Dung	Nữ	20/8/1980	Hà Nội	23.00	44	Không đạt
224	MB-224	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	16/11/1992	Hà Nội	38.25	78	Không đạt
225	MB-225	Phạm Thị Thùy	Dung	Nữ	03/5/1997	Hà Nội	37.88	72	Không đạt
226	MB-226	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	19/12/1995	Đà Nẵng	33.13	60	Không đạt
227	MB-227	Vũ Thị Thùy	Dung	Nữ	11/5/1990	Đắk Lắk	12.63	62	Không đạt
228	MB-228	Nguyễn Bá	Dũng	Nam	07/9/1991	Thanh Hóa	42.13	54	Không đạt
229	MB-229	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	25/01/1996	Hà Nội	31.00	48	Không đạt
230	MB-230	Đặng Ngọc	Dũng	Nam	17/9/1991	Đà Nẵng	25.25	64	Không đạt
231	MB-231	Lê Phi	Dũng	Nam	14/12/1971	Nghệ An	17.63	82	Không đạt
232	MB-232	Nguyễn Quang	Dũng	Nam	25/5/1985	Đắk Lắk	7.13	54	Không đạt
233	MB-233	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	01/6/1976	Bắc Ninh	19.25	60	Không đạt
234	MB-234	Nguyễn Trịnh	Dũng	Nam	15/6/1975	Hải Phòng	17.25	48	Không đạt
235	MB-235	Lô Trung	Dũng	Nam	19/10/1988	Hà Nội	30.88	66	Không đạt
236	MB-236	Châu Trương	Dũng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	30.13	70	Không đạt
237	MB-237	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	20/8/1992	Hải Phòng	50.38	70	Đạt
238	MB-238	Lê Viết	Dũng	Nam	10/5/1982	Hà Tĩnh	22.75	70	Không đạt
239	MB-239	Lê Đại	Dương	Nam	02/4/1986	Thanh Hóa	24.63	56	Không đạt
240	MB-240	Hoàng Kim	Dương	Nam	09/3/1991	Hải Dương	17.88	54	Không đạt
241	MB-241	Lê Long	Dương	Nam	03/7/1988	Quảng Ninh	17.50	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
242	MB-242	Hoàng Ngọc	Dương	Nam	25/11/1986	Hung Yên	32.00	82	Không đạt
243	MB-243	Lê Thị	Dương	Nữ	10/01/1990	Thanh Hóa	25.50	54	Không đạt
244	MB-244	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	16/02/1982	Quảng Ngãi	17.50	46	Không đạt
245	MB-245	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	10/8/1983	Thanh Hóa	23.88	48	Không đạt
246	MB-246	Lý Thùy	Dương	Nữ	13/11/1986	Hà Nội	37.25	76	Không đạt
247	MB-247	Hoàng Trung	Dương	Nam	10/7/1967	Hải Phòng	21.00	44	Không đạt
248	MB-248	Huỳnh Văn	Dương	Nam	12/4/1973	Phú Yên	19.00	56	Không đạt
249	MB-249	Trần Xuân	Dương	Nam	17/8/1988	Vĩnh Phúc	26.88	50	Không đạt
250	MB-250	Nguyễn Đình	Duy	Nam	09/12/1987	Hải Phòng	37.50	66	Không đạt
251	MB-251	Đào Đức	Duy	Nam	11/03/1993	Lạng Sơn	13.38	50	Không đạt
252	MB-252	Nguyễn Đức	Duy	Nam	12/8/1997	Đà Nẵng	39.50	76	Không đạt
253	MB-253	Nguyễn Ngọc Hoàng	Duy	Nam	24/11/1995	Khánh Hòa	28.38	74	Không đạt
254	MB-254	Nguyễn Quang	Duy	Nam	08/4/1982	Hải Phòng	7.38	56	Không đạt
255	MB-255	Đào Thị An	Duyên	Nữ	17/5/1983	Hà Tĩnh	24.00	72	Không đạt
256	MB-256	Nguyễn Thị Lê	Duyên	Nữ	01/4/1993	Quảng Nam	30.00	58	Không đạt
257	MB-257	Dương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	24/11/1995	Thừa Thiên Huế	26.88	74	Không đạt
258	MB-258	Trương Mỹ	Duyên	Nữ	21/7/1996	Thái Nguyên	50.13	74	Đạt
259	MB-259	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/01/1991	Bắc Ninh	26.50	68	Không đạt
260	MB-260	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	41.75	78	Không đạt
261	MB-261	Tăng Bá	Giang	Nam	20/02/1982	Hải Phòng	25.63	48	Không đạt
262	MB-262	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	11/12/1994	Bắc Giang	16.38	58	Không đạt
263	MB-263	Vi Đức	Giang	Nam	21/4/1995	Hà Nội	24.88	62	Không đạt
264	MB-264	Lê Hương	Giang	Nữ	02/9/1982	Thanh Hóa	20.38	46	Không đạt
265	MB-265	Dương Thị Hương	Giang	Nữ	24/10/1984	Hà Nội	24.88	64	Không đạt
266	MB-266	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	02/6/1999	Hà Nội	54.13	74	Đạt
267	MB-267	Hoàng Lệ	Giang	Nữ	28/5/1993	Bắc Giang	27.25	54	Không đạt
268	MB-268	Đặng Hoàng Linh	Giang	Nữ	22/8/1994	Lạng Sơn	26.00	60	Không đạt
269	MB-269	Tổng Thị	Giang	Nữ	24/02/1976	Hà Nội			Không đạt
270	MB-270	Bùi Thị Thu	Giang	Nữ	01/02/1993	Phú Thọ	50.63	68	Đạt
271	MB-271	Nguyễn Thùy	Giang	Nữ	10/9/1997	Hà Nội	37.75	74	Không đạt
272	MB-272	Nguyễn Tiến	Giang	Nam	13/10/1996	Bắc Giang	21.38	80	Không đạt
273	MB-273	Bùi Thị Trà	Giang	Nữ	02/01/1994	Quảng Ninh	31.50	56	Không đạt
274	MB-274	Lê Trường	Giang	Nam	22/6/1989	Thanh Hóa	24.38	64	Không đạt
275	MB-275	Nguyễn Trường	Giang	Nam	12/02/1998	Hà Nội	26.63	60	Không đạt
276	MB-276	Phạm Văn	Giang	Nam	23/8/1987	Hà Tĩnh	33.88	76	Không đạt
277	MB-277	Hà Hải	Hà	Nam	01/01/1994	Bình Định	30.38	50	Không đạt
278	MB-278	Lê Thị Hồng	Hà	Nữ	02/01/1991	Quảng Bình	35.50	50	Không đạt
279	MB-279	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	01/5/1983	Bắc Giang	34.13	62	Không đạt
280	MB-280	Quách Mạnh	Hà	Nam	24/6/1991	Hà Nội	40.63	70	Không đạt
281	MB-281	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	01/10/1994	Hà Nội	50.00	54	Đạt
282	MB-282	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	11/10/1986	Hà Nội	23.38	70	Không đạt
283	MB-283	Phan Thị Ngọc	Hà	Nữ	05/8/1990	Bình Định	21.00	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
284	MB-284	Hoàng Thị Thanh	Hà	Nữ	28/12/1982	Quảng Nam	16.88	44	Không đạt
285	MB-285	Bùi Thị	Hà	Nữ	12/7/1987	Vĩnh Phúc	22.25	46	Không đạt
286	MB-286	Hồ Thị	Hà	Nữ	20/8/1987	Nghệ An	30.88	50	Không đạt
287	MB-287	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	01/8/1994	Bắc Ninh	28.75	66	Không đạt
288	MB-288	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	18/8/1995	Hòa Bình	50.00	84	Đạt
289	MB-289	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	12/02/1994	Nghệ An	18.88	54	Không đạt
290	MB-290	Cầm Thu	Hà	Nữ	27/02/1998	Sơn La	5.88	34	Không đạt
291	MB-291	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	10/3/1986	Vĩnh Phúc	23.13	48	Không đạt
292	MB-292	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/5/1997	Hà Nội	17.63	40	Không đạt
293	MB-293	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	20/01/1997	Hải Dương	23.13	60	Không đạt
294	MB-294	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	01/10/1994	Quảng Ninh	36.75	60	Không đạt
295	MB-295	Trần Thu	Hà	Nữ	13/02/1993	Hà Nội	36.00	74	Không đạt
296	MB-296	Trần Thu	Hà	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	53.63	74	Đạt
297	MB-297	Trần Thu	Hà	Nữ	16/12/1992	Hà Nội	28.38	58	Không đạt
298	MB-298	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	02/02/1991	Đắk Lắk	36.63	62	Không đạt
299	MB-299	Lê Thị Thúy	Hà	Nữ	22/12/1976	Nghệ An	25.63	56	Không đạt
300	MB-300	Hoàng Thị Tú	Hà	Nữ	03/8/1999	Hà Nội	39.00	68	Không đạt
301	MB-301	Nguyễn Văn	Hà	Nam	05/7/1994	Vĩnh Phúc	42.75	64	Không đạt
302	MB-302	Bùi Thị Việt	Hà	Nữ	02/3/1997	Gia Lai	38.13	72	Không đạt
303	MB-303	Vũ Xuân	Hà	Nam	17/10/1970	Sơn La	13.88	34	Không đạt
304	MB-304	Cao Thị Đan	Hạ	Nữ	28/02/1995	Đắk Lắk	41.00	72	Không đạt
305	MB-305	Phạm Văn	Hải	Nam	24/9/1996	Thanh Hóa	27.38	62	Không đạt
306	MB-306	Nguyễn Anh	Hải	Nam	01/02/1990	Hà Nội	36.38	62	Không đạt
307	MB-307	Nguyễn Hồng	Hải	Nam	07/01/1990	Bình Định	45.50	84	Không đạt
308	MB-308	Vũ Hồng	Hải	Nam	27/5/1982	Hà Nội	14.63	58	Không đạt
309	MB-309	Nguyễn Huy	Hải	Nam	01/11/1984	Quảng Trị	19.13	50	Không đạt
310	MB-310	Nguyễn Lê	Hải	Nam	17/5/1992	Bắc Kạn	14.00	54	Không đạt
311	MB-311	Đặng Minh	Hải	Nam	29/4/1967	Khánh Hòa	28.88	66	Không đạt
312	MB-312	Trương Minh	Hải	Nam	01/6/1988	Hà Nội	16.63	40	Không đạt
313	MB-313	Đào Nam	Hải	Nam	24/10/1990	Hải Phòng	31.88	58	Không đạt
314	MB-314	Nguyễn Phú	Hải	Nam	22/11/1993	Khánh Hòa	27.00	66	Không đạt
315	MB-315	Nguyễn Quốc	Hải	Nam	02/11/1982	Vĩnh Phúc	30.00	54	Không đạt
316	MB-316	Nguyễn Sơn	Hải	Nam	18/4/1977	Hà Nội	39.13	66	Không đạt
317	MB-317	Hà Thị	Hải	Nữ	20/12/1981	Đà Nẵng	39.88	70	Không đạt
318	MB-318	Trần Thị	Hải	Nữ	18/10/1962	Quảng Ninh	24.00	52	Không đạt
319	MB-319	Đỗ Tiến	Hải	Nam	12/12/1981	Hà Nội	38.75	60	Không đạt
320	MB-320	Trần Tiến	Hải	Nam	24/06/1993	Đà Nẵng	39.00	74	Không đạt
321	MB-321	Lê Trương	Hải	Nam	23/8/1994	Thanh Hóa	26.38	60	Không đạt
322	MB-322	Trương Văn	Hải	Nam	26/3/1975	Gia Lai	21.13	58	Không đạt
323	MB-323	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	10/9/1991	Hải Phòng	34.63	78	Không đạt
324	MB-324	Trần Văn	Hân	Nam	06/5/1974	Hà Nội	31.75	50	Không đạt
325	MB-325	Nguyễn Thị	Hàng	Nữ	22/7/1989	Quảng Nam			Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
326	MB-326	Lê Thị Bích	Hằng	Nữ	21/11/1969	Quảng Nam	9.50	54	Không đạt
327	MB-327	Bùi Minh	Hằng	Nữ	27/01/1993	Thanh Hóa	22.75	60	Không đạt
328	MB-328	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	05/7/1982	Gia Lai	21.75	62	Không đạt
329	MB-329	Trần Thị Phương	Hằng	Nữ	15/4/1984	Hải Phòng	34.38	62	Không đạt
330	MB-330	Đỗ Thanh	Hằng	Nữ	09/4/1981	Phú Thọ	25.75	44	Không đạt
331	MB-331	Vương Thanh	Hằng	Nữ	28/3/1996	Hà Nội	54.38	62	Đạt
332	MB-332	Bùi Thị	Hằng	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	61.50	82	Đạt
333	MB-333	Bùi Thị	Hằng	Nữ	10/10/1983	Nghệ An	30.25	40	Không đạt
334	MB-334	Cần Thị	Hằng	Nữ	05/11/1976	Khánh Hòa	25.38	46	Không đạt
335	MB-335	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	19/10/1980	Hà Nội	38.50	72	Không đạt
336	MB-336	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/8/1991	Thanh Hóa	50.88	60	Đạt
337	MB-337	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	05/01/1989	Vĩnh Phúc	41.25	68	Không đạt
338	MB-338	Phan Thị	Hằng	Nữ	03/8/1995	Hà Nội	43.50	58	Không đạt
339	MB-339	Phùng Thị	Hằng	Nữ	28/3/1992	Vĩnh Phúc	24.50	74	Không đạt
340	MB-340	Quản Thị	Hằng	Nữ	11/5/1986	Thanh Hóa	30.00	44	Không đạt
341	MB-341	Tăng Thị	Hằng	Nữ	08/8/1994	Nghệ An	32.13	50	Không đạt
342	MB-342	Trần Thị	Hằng	Nữ	15/8/1989	Bắc Ninh	18.88	38	Không đạt
343	MB-343	Trần Thị	Hằng	Nữ	09/9/1989	Hà Nội	33.25	72	Không đạt
344	MB-344	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	03/8/1981	Hà Nội	25.88	58	Không đạt
345	MB-345	Đinh Thị Thu	Hằng	Nữ	13/02/1986	Khánh Hòa	23.50	52	Không đạt
346	MB-346	Đỗ Thị Thu	Hằng	Nữ	20/6/1983	Hà Nam	29.50	58	Không đạt
347	MB-347	Đoàn Thị Thu	Hằng	Nữ	31/10/1991	Bắc Ninh	37.25	66	Không đạt
348	MB-348	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/12/1981	Hà Nội	21.13	40	Không đạt
349	MB-349	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/11/1995	Phú Thọ	34.50	54	Không đạt
350	MB-350	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	30/10/1989	Thanh Hóa	53.88	70	Đạt
351	MB-351	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	19/11/1996	Tuyên Quang	36.88	48	Không đạt
352	MB-352	Chu Thị Thúy	Hằng	Nữ	05/10/1996	Hà Tĩnh	30.63	68	Không đạt
353	MB-353	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	27/10/1997	Hải Dương	27.38	34	Không đạt
354	MB-354	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/4/1995	Nghệ An	60.75	64	Đạt
355	MB-355	Nguyễn Thị	Hành	Nữ	09/5/1986	Hà Tĩnh	54.50	70	Đạt
356	MB-356	Chu Thị Bích	Hạnh	Nữ	16/9/1991	Hà Nội	55.00	66	Đạt
357	MB-357	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/10/1978	Bắc Ninh	24.00	36	Không đạt
358	MB-358	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	20/8/1992	Đắk Lắk	30.00	54	Không đạt
359	MB-359	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	Nữ	26/11/1977	Hà Nội	30.13	42	Không đạt
360	MB-360	Phan Đức	Hạnh	Nam	19/4/1988	Quảng Bình	32.00	68	Không đạt
361	MB-361	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	02/6/1989	Hà Nội	35.00	64	Không đạt
362	MB-362	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	26/6/1991	Nghệ An	51.25	68	Đạt
363	MB-363	Hứa Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/8/1993	Đắk Lắk	60.25	74	Đạt
364	MB-364	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/11/1980	Hà Nội	55.00	56	Đạt
365	MB-365	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	09/12/1998	Quảng Ninh	39.50	66	Không đạt
366	MB-366	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	24/6/1987	Tuyên Quang	21.13	44	Không đạt
367	MB-367	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	Nữ	29/7/1985	Bắc Ninh	38.00	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
368	MB-368	Vũ Huy	Hạnh	Nam	14/8/1982	Hải Phòng	50.00	58	Đạt
369	MB-369	Đặng Thị Minh	Hạnh	Nữ	11/11/1976	Hà Nội			Không đạt
370	MB-370	Trần Thị Minh	Hạnh	Nữ	04/7/1987	Hải Dương	32.50	48	Không đạt
371	MB-371	Dương Thị	Hạnh	Nữ	08/3/1997	Hà Nội	39.75	80	Không đạt
372	MB-372	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	21/3/1993	Thái Nguyên	53.00	60	Đạt
373	MB-373	Ngô Thị	Hạnh	Nữ	27/4/1978	Đà Nẵng	42.50	50	Không đạt
374	MB-374	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1984	Quảng Nam	54.75	68	Đạt
375	MB-375	Phạm Thị	Hạnh	Nữ	17/01/1983	Hải Dương	32.00	58	Không đạt
376	MB-376	Trịnh Thị	Hạnh	Nữ	11/7/1979	Hà Nội			Không đạt
377	MB-377	Nguyễn Anh	Hào	Nam	06/01/1994	Bắc Ninh	39.63	66	Không đạt
378	MB-378	Dương Văn	Hào	Nam	22/5/1963	Hòa Bình			Không đạt
379	MB-379	Lê Thị Hoàng	Hào	Nữ	14/02/1996	Gia Lai	42.75	64	Không đạt
380	MB-380	Đỗ Như	Hào	Nữ	09/9/1996	Vĩnh Phúc	54.25	66	Đạt
381	MB-381	Nguyễn Thị	Hào	Nữ	02/12/1992	Hà Nội	43.75	44	Không đạt
382	MB-382	Đặng Từ	Hào	Nam	09/12/1998	Khánh Hòa	41.75	64	Không đạt
383	MB-383	Phạm Đức	Hậu	Nam	15/10/1975	Vĩnh Phúc	27.75	46	Không đạt
384	MB-384	Lê Hải	Hậu	Nam	15/02/1991	Đắk Lắk	33.50	64	Không đạt
385	MB-385	Nguyễn Hùng	Hậu	Nam	11/6/1980	Hà Nội	29.38	56	Không đạt
386	MB-386	Bùi Thị	Hậu	Nữ	29/4/1998	Hải Dương	25.00	70	Không đạt
387	MB-387	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	27/10/1990	Nghệ An	27.25	68	Không đạt
388	MB-388	Trần Thị	Hậu	Nữ	24/9/1994	Phú Thọ	25.75	72	Không đạt
389	MB-389	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	11/02/1994	Đà Nẵng	19.75	72	Không đạt
390	MB-390	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	11/01/1966	Hà Nội	6.88	30	Không đạt
391	MB-391	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/4/1998	Hà Nội	52.00	76	Đạt
392	MB-392	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	19/02/1985	Hà Nội	28.50	54	Không đạt
393	MB-393	Lương Thị Bích	Hiền	Nữ	20/6/1992	Bình Định	36.00	66	Không đạt
394	MB-394	Trần Đình	Hiền	Nam	07/7/1988	Thừa Thiên Huế	32.75	82	Không đạt
395	MB-395	Tiêu Thị Minh	Hiền	Nữ	21/3/1990	Hải Dương	50.88	76	Đạt
396	MB-396	Lê Quang	Hiền	Nam	28/11/1973	Kon Tum	35.00	60	Không đạt
397	MB-397	Lê Quốc	Hiền	Nam	09/10/1958	Thanh Hóa	14.63	52	Không đạt
398	MB-398	Nguyễn Thái	Hiền	Nam	20/4/1984	Phú Yên	11.00	52	Không đạt
399	MB-399	Lê Thanh	Hiền	Nam	16/9/1985	Quảng Bình	24.00	54	Không đạt
400	MB-400	Phạm Thị Thanh	Hiền	Nữ	03/6/1975	Hải Phòng	17.00	28	Không đạt
401	MB-401	Phùng Thị Thanh	Hiền	Nữ	10/12/1967	Hà Nội	27.63	66	Không đạt
402	MB-402	Võ Thanh	Hiền	Nữ	30/11/1992	Hà Nội	33.25	70	Không đạt
403	MB-403	Lê Thị	Hiền	Nữ	25/6/1965	Đắk Lắk	40.50	70	Không đạt
404	MB-404	Lê Thị	Hiền	Nữ	10/9/1990	Thanh Hóa	38.13	64	Không đạt
405	MB-405	Lê Thị	Hiền	Nữ	30/8/1996	Thanh Hóa	23.50	60	Không đạt
406	MB-406	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	17/8/1996	Hà Nội	25.25	64	Không đạt
407	MB-407	Phạm Thị	Hiền	Nữ	23/02/1990	Quảng Ninh	30.75	44	Không đạt
408	MB-408	Phạm Thị	Hiền	Nữ	28/12/1989	Điện Biên	32.50	38	Không đạt
409	MB-409	Nguyễn Thiện	Hiền	Nam	09/10/1966	Nghệ An	12.00	46	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
410	MB-410	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	05/02/1989	Quảng Nam	45.63	74	Không đạt
411	MB-411	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	27/7/1982	Vĩnh Phúc	34.25	72	Không đạt
412	MB-412	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/6/1975	Hà Nội	31.38	54	Không đạt
413	MB-413	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/10/1984	Lào Cai	36.00	62	Không đạt
414	MB-414	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	14/8/1987	Vĩnh Phúc	41.75	84	Không đạt
415	MB-415	Phan Thị Thu	Hiền	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	50.25	72	Đạt
416	MB-416	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	16/10/1995	Nam Định	40.75	72	Không đạt
417	MB-417	Hồ Thị Tú	Hiền	Nữ	06/01/1994	Nghệ An	29.63	54	Không đạt
418	MB-418	Đỗ Văn	Hiền	Nam	19/02/1964	Hà Nội	21.13	30	Không đạt
419	MB-419	Vũ Thị	Hiền	Nữ	20/11/1990	Thái Bình			Không đạt
420	MB-420	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	10/5/1990	Hải Phòng	59.13	74	Đạt
421	MB-421	Nguyễn Đăng	Hiệp	Nam	26/8/1998	Bắc Ninh	33.25	46	Không đạt
422	MB-422	Lê Đình	Hiệp	Nam	08/11/1997	Hà Nội	58.00	76	Đạt
423	MB-423	Trương Thị Hải	Hiệp	Nữ	26/9/1980	Hà Nội	29.50	50	Không đạt
424	MB-424	Chế Thị Hồng	Hiệp	Nữ	23/01/1995	Bình Định	59.75	86	Đạt
425	MB-425	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	25/10/1990	Hòa Bình	50.00	68	Đạt
426	MB-426	Đỗ Lê Anh	Hiếu	Nam	20/12/1988	Thừa Thiên Huế	50.25	52	Đạt
427	MB-427	Hà Mạnh	Hiếu	Nam	25/12/1995	Hà Nội	41.50	72	Không đạt
428	MB-428	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	14/01/1958	Nghệ An	20.50	72	Không đạt
429	MB-429	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Nữ	18/9/1989	Hải Phòng	58.25	70	Đạt
430	MB-430	Phan Thị	Hiếu	Nữ	20/10/1991	Nghệ An	50.13	68	Đạt
431	MB-431	Trần Thị	Hiếu	Nữ	09/11/1985	Hung Yên	38.38	46	Không đạt
432	MB-432	Đinh Trọng	Hiếu	Nam	01/8/1982	Quảng Trị	45.25	64	Không đạt
433	MB-433	Bùi Trung	Hiếu	Nam	19/6/1994	Đắk Lắk	28.13	76	Không đạt
434	MB-434	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/11/1997	Hà Nội	50.63	78	Đạt
435	MB-435	Nguyễn Thị Diễm	Hoa	Nữ	20/7/1995	Vĩnh Phúc	41.75	58	Không đạt
436	MB-436	Tô Kiều	Hoa	Nữ	05/11/1987	Hải Phòng	29.63	60	Không đạt
437	MB-437	Nghiêm Thị Kim	Hoa	Nữ	22/10/1968	Thái Nguyên			Không đạt
438	MB-438	Ngô Thị Kim	Hoa	Nữ	15/3/1992	Khánh Hòa	32.75	42	Không đạt
439	MB-439	Trần Thị Minh	Hoa	Nữ	27/10/1991	Hải Phòng	56.88	78	Đạt
440	MB-440	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	24/9/1996	Hà Nội	52.00	70	Đạt
441	MB-441	Diệp Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	27/12/1992	Thái Nguyên	38.38	72	Không đạt
442	MB-442	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/6/1993	Bắc Ninh	50.00	86	Đạt
443	MB-443	Phạm Thị Thanh	Hoa	Nữ	04/7/1982	Hải Phòng			Không đạt
444	MB-444	Lương Thị	Hoa	Nữ	17/9/1979	Thanh Hóa	34.38	50	Không đạt
445	MB-445	Tạ Bà	Hòa	Nam	02/5/1977	Ninh Bình			Không đạt
446	MB-446	Bùi Thanh	Hòa	Nữ	15/10/1987	Hòa Bình	38.13	40	Không đạt
447	MB-447	Bùi Thị Thanh	Hòa	Nữ	18/11/1976	Bình Định	50.00	72	Đạt
448	MB-448	Bùi Thị	Hòa	Nữ	23/01/1992	Quảng Ninh	50.63	74	Đạt
449	MB-449	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	16/11/1990	Hà Nội	58.75	82	Đạt
450	MB-450	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	15/3/1990	Bắc Ninh	44.50	64	Không đạt
451	MB-451	Vũ Trung	Hòa	Nam	30/12/1996	Hà Nam	58.50	76	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
452	MB-452	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	11/02/1957	Hà Nội	12.00	46	Không đạt
453	MB-453	Trần Nguyễn Bích	Hoài	Nữ	02/6/1994	Thừa Thiên Huế	52.00	62	Đạt
454	MB-454	Doãn Thị Đỗ	Hoài	Nữ	23/11/1988	Thái Bình	40.00	44	Không đạt
455	MB-455	La Khánh	Hoài	Nữ	01/7/1998	Lạng Sơn	33.00	50	Không đạt
456	MB-456	Hoàng Thanh	Hoài	Nữ	19/9/1994	Hà Nội	30.25	58	Không đạt
457	MB-457	Võ Thị	Hoài	Nữ	27/8/1994	Nghệ An	65.50	78	Đạt
458	MB-458	Đặng Thị Thu	Hoài	Nữ	02/01/1966	Nam Định	16.00	68	Không đạt
459	MB-459	Trương Văn	Hoài	Nam	12/4/1966	Quảng Nam	17.50	48	Không đạt
460	MB-460	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	15/5/1990	Thanh Hóa	53.00	68	Đạt
461	MB-461	Phan Duy	Hoàn	Nam	25/4/1991	Thái Nguyên	62.00	70	Đạt
462	MB-462	Cao Bảo	Hoàng	Nam	17/01/1989	Đắk Lắk	25.00	50	Không đạt
463	MB-463	Lê Công	Hoàng	Nam	18/11/1988	Hải Dương	29.50	70	Không đạt
464	MB-464	Đỗ Huy	Hoàng	Nam	11/10/1963	Bắc Ninh	17.00	46	Không đạt
465	MB-465	Trần Huy	Hoàng	Nam	25/6/1995	Quảng Bình	39.75	68	Không đạt
466	MB-466	Nguyễn Quang	Hoàng	Nam	02/01/1997	Quảng Trị	12.00	72	Không đạt
467	MB-467	Dương Thị Thanh	Hoàng	Nữ	10/4/1998	Gia Lai	18.38	34	Không đạt
468	MB-468	Vi Trọng	Hoàng	Nam	26/6/1993	Bắc Ninh	31.00	52	Không đạt
469	MB-469	Phạm Việt	Hoàng	Nam	16/5/1960	Ninh Bình	6.50	30	Không đạt
470	MB-470	Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	19/7/1998	Kon Tum	52.50	74	Đạt
471	MB-471	Vũ Diệu	Hồng	Nữ	12/7/1993	Lạng Sơn	58.50	62	Đạt
472	MB-472	Nguyễn Đình	Hồng	Nam	08/11/1977	Nghệ An	32.50	64	Không đạt
473	MB-473	Lê Thị Thanh	Hồng	Nữ	06/5/1990	Nghệ An	50.00	76	Đạt
474	MB-474	Ngô Thị Thanh	Hồng	Nữ	03/6/1977	Ninh Thuận	14.50	40	Không đạt
475	MB-475	Đặng Thị	Hồng	Nữ	12/4/1997	Quảng Ninh	39.00	54	Không đạt
476	MB-476	Đoàn Thị	Hồng	Nữ	27/11/1982	Hà Nội	29.50	46	Không đạt
477	MB-477	Dương Thị	Hồng	Nữ	01/7/1995	Hà Nội	61.50	66	Đạt
478	MB-478	Hà Thị	Hồng	Nữ	02/12/1996	Thanh Hóa	50.00	56	Đạt
479	MB-479	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	15/9/1986	Hà Nội	28.50	38	Không đạt
480	MB-480	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/9/1995	Đà Nẵng	59.00	76	Đạt
481	MB-481	Lê Thị	Hồng	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	40.25	72	Không đạt
482	MB-482	Vi Thị	Hồng	Nữ	14/4/1995	Thanh Hóa	34.38	70	Không đạt
483	MB-483	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	07/10/1974	Đà Nẵng	48.38	64	Không đạt
484	MB-484	Vũ Thị Thúy	Hồng	Nữ	21/8/1992	Gia Lai	34.50	70	Không đạt
485	MB-485	Đào Việt	Hồng	Nam	06/10/1987	Phú Thọ	22.00	42	Không đạt
486	MB-486	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	Nữ	09/02/1992	Phú Yên	22.38	60	Không đạt
487	MB-487	Bùi Thị Thanh	Hợp	Nữ	10/9/1978	Bình Định	6.25	44	Không đạt
488	MB-488	Lê Thị	Hợp	Nữ	17/8/1981	Đà Nẵng	30.88	58	Không đạt
489	MB-489	Đặng Công	Huân	Nam	29/10/1987	Quảng Bình	43.63	74	Không đạt
490	MB-490	Nguyễn Hữu	Huân	Nam	01/12/1982	Hà Nội	26.50	56	Không đạt
491	MB-491	Phạm Quốc	Huân	Nam	23/3/1991	Đắk Lắk			Không đạt
492	MB-492	Bùi Ngọc	Huệ	Nữ	18/3/1997	Quảng Bình	34.00	70	Không đạt
493	MB-493	Hoàng Thị Thanh	Huệ	Nữ	05/6/1983	Hải Phòng	51.38	68	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
494	MB-494	Đàm Thị	Huệ	Nữ	12/8/1992	Hà Nội	53.00	66	Đạt
495	MB-495	Hoàng Thị	Huệ	Nữ	02/7/1986	Thái Bình	33.00	66	Không đạt
496	MB-496	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	22/02/1988	Quảng Ninh	13.00	42	Không đạt
497	MB-497	Quách Thị Thu	Huệ	Nữ	21/11/1994	Hà Nội	50.25	44	Không đạt
498	MB-498	Cao Huy	Hùng	Nam	04/4/1984	Khánh Hòa	38.13	78	Không đạt
499	MB-499	Nguyễn Huy	Hùng	Nam	01/3/1970	Hà Nội	35.00	60	Không đạt
500	MB-500	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	03/9/1996	Thanh Hóa			Không đạt
501	MB-501	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	04/10/1966	Hà Nội	54.63	66	Đạt
502	MB-502	Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	09/02/1985	Nghệ An	26.75	52	Không đạt
503	MB-503	Nguyễn Ngọc	Hùng	Nam	11/01/1972	Thanh Hóa	24.50	52	Không đạt
504	MB-504	Phạm Ngọc	Hùng	Nam	20/10/1996	Hải Phòng	40.00	66	Không đạt
505	MB-505	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	01/10/1968	Đà Nẵng			Không đạt
506	MB-506	Nguyễn Tiến	Hùng	Nam	29/12/1994	Quảng Nam	35.50	46	Không đạt
507	MB-507	Lê Văn	Hùng	Nam	23/7/1969	Hà Nội	37.75	72	Không đạt
508	MB-508	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	10/6/1962	Bình Định	12.38	42	Không đạt
509	MB-509	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	06/7/1984	Thanh Hóa	40.50	64	Không đạt
510	MB-510	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	16/6/1974	Thanh Hóa	35.25	60	Không đạt
511	MB-511	Lưu Việt	Hùng	Nam	23/11/1994	Quảng Bình	11.50	62	Không đạt
512	MB-512	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	27/8/1982	Phú Thọ	36.13	62	Không đạt
513	MB-513	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	27/8/1987	Hà Nội	35.63	76	Không đạt
514	MB-514	Nguyễn Hữu	Hùng	Nam	24/10/1996	Hà Nội	12.25	44	Không đạt
515	MB-515	Hứa Thị Khánh	Hùng	Nữ	27/3/1985	Khánh Hòa	9.00	42	Không đạt
516	MB-516	Mai Lý	Hùng	Nam	07/4/1990	Bắc Ninh	4.00	62	Không đạt
517	MB-517	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	09/01/1988	Hà Nam	20.13	38	Không đạt
518	MB-518	Hoàng Ngọc	Hùng	Nam	24/9/1991	Thanh Hóa	50.50	68	Đạt
519	MB-519	Lê Ngọc	Hùng	Nam	12/01/1994	Hà Nội	29.50	64	Không đạt
520	MB-520	Hoàng Thị	Hùng	Nữ	14/9/1989	Phú Thọ	42.00	76	Không đạt
521	MB-521	Trần Văn	Hùng	Nam	07/4/1987	Hà Nội	15.75	58	Không đạt
522	MB-522	Bùi Thị Lan	Hương	Nữ	15/11/1999	Hà Nội	36.88	92	Không đạt
523	MB-523	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	16/01/1996	Ninh Bình	22.88	42	Không đạt
524	MB-524	Trần Thị Lan	Hương	Nữ	07/5/1981	Bắc Ninh	27.88	58	Không đạt
525	MB-525	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	10/02/1996	Thanh Hóa	9.00	62	Không đạt
526	MB-526	Nguyễn Quốc	Hương	Nam	10/5/1965	Hà Nội	18.88	48	Không đạt
527	MB-527	Trần Thị Quỳnh	Hương	Nữ	27/7/1992	Bình Định	27.50	64	Không đạt
528	MB-528	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	09/9/1976	Điện Biên	23.75	46	Không đạt
529	MB-529	Bạch Thị	Hương	Nữ	07/8/1974	Hà Nội	18.63	52	Không đạt
530	MB-530	Lê Thị	Hương	Nữ	24/12/1996	Thanh Hóa	26.88	66	Không đạt
531	MB-531	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/8/1981	Đà Nẵng	28.13	36	Không đạt
532	MB-532	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	05/5/1983	Hà Nội	29.88	76	Không đạt
533	MB-533	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/11/1996	Hà Nội	16.50	68	Không đạt
534	MB-534	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	07/3/1994	Hải Phòng	18.50	72	Không đạt
535	MB-535	Phạm Thị	Hương	Nữ	31/12/1999	Thanh Hóa	29.88	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
536	MB-536	Phùng Thị	Hương	Nữ	06/9/1992	Hà Nội	24.00	50	Không đạt
537	MB-537	Cao Thị Thu	Hương	Nữ	02/4/1996	Hà Nội	50.13	68	Đạt
538	MB-538	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	23/01/1986	Quảng Ninh	32.63	74	Không đạt
539	MB-539	Đoàn Thị Thu	Hương	Nữ	19/7/1985	Đắk Lắk	23.00	54	Không đạt
540	MB-540	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	12/3/1990	Bắc Giang	33.88	70	Không đạt
541	MB-541	Phạm Thị Thu	Hương	Nữ	07/3/1991	Hà Nội	4.88		Không đạt
542	MB-542	Vũ Thu	Hương	Nữ	02/01/1977	Bắc Giang	29.75	66	Không đạt
543	MB-543	Võ Thị Lan	Hương	Nữ	26/4/1992	Nghệ An	34.38	62	Không đạt
544	MB-544	Đỗ Thị Xuân	Hương	Nữ	28/10/1981	Hà Nội	42.38	68	Không đạt
545	MB-545	Hồ Thị Thảo	Hương	Nữ	25/6/1994	Đà Nẵng	36.00	62	Không đạt
546	MB-546	Vũ Thế	Hương	Nữ	19/4/1958	Hà Nội			Không đạt
547	MB-547	Cao Thị	Hương	Nữ	02/01/1979	Lai Châu	16.25	44	Không đạt
548	MB-548	Hoàng Thị	Hương	Nữ	04/9/1988	Hà Nội	15.50	52	Không đạt
549	MB-549	Lê Thị	Hương	Nữ	12/3/1996	Quảng Ninh	43.50	82	Không đạt
550	MB-550	Lê Thị	Hương	Nữ	02/7/1976	Quảng Trị	51.00	88	Đạt
551	MB-551	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	29/5/1993	Bắc Giang	40.13	56	Không đạt
552	MB-552	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	15/6/1993	Hà Nội	51.75	80	Đạt
553	MB-553	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	11/6/1992	Quảng Ninh	41.25	86	Không đạt
554	MB-554	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	13/10/1978	Thanh Hóa	21.38	56	Không đạt
555	MB-555	Phạm Thị	Hương	Nữ	20/5/1982	Hà Nội	19.13	58	Không đạt
556	MB-556	Thạch Thị	Hương	Nữ	31/01/1993	Hà Nội	41.63	60	Không đạt
557	MB-557	Khuong Văn	Hương	Nam	13/6/1982	Hà Nội	32.50	48	Không đạt
558	MB-558	Trương Công	Hữu	Nam	13/8/1992	Bắc Giang	36.00	56	Không đạt
559	MB-559	Trịnh Tài	Hữu	Nam	15/02/1996	Quảng Nam	35.50	72	Không đạt
560	MB-560	Vũ Đình	Huy	Nam	09/10/1992	Hung Yên	33.00	48	Không đạt
561	MB-561	Trần Lê	Huy	Nam	02/10/1979	Phú Thọ	25.88	60	Không đạt
562	MB-562	Lê	Huy	Nam	28/9/1991	Hà Nội	43.50	72	Không đạt
563	MB-563	Trịnh Minh	Huy	Nam	27/5/1983	Hải Phòng	32.75	42	Không đạt
564	MB-564	Bùi Quang	Huy	Nam	22/11/1994	Hà Nội	21.88	70	Không đạt
565	MB-565	Dương Quang	Huy	Nam	17/11/1984	Thái Nguyên	29.00	60	Không đạt
566	MB-566	Nguyễn Quang	Huy	Nam	10/9/1985	Hà Nội	9.88	52	Không đạt
567	MB-567	Phạm Quang	Huy	Nam	08/01/1988	Nghệ An	51.75	78	Đạt
568	MB-568	Phạm Quốc	Huy	Nam	24/4/1997	Quảng Ninh	33.50	64	Không đạt
569	MB-569	Trịnh Quốc	Huy	Nam	30/3/1995	Hà Nội	39.25	72	Không đạt
570	MB-570	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	05/9/1990	Đắk Lắk	54.88	68	Đạt
571	MB-571	Phạm Thị Minh	Huyền	Nữ	28/4/1985	Hà Nội			Không đạt
572	MB-572	Bùi Thanh	Huyền	Nữ	25/9/1992	Hòa Bình	40.25	60	Không đạt
573	MB-573	Hoàng Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/12/1981	Hải Phòng	22.25	52	Không đạt
574	MB-574	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	07/10/1987	Hà Nội	26.00	50	Không đạt
575	MB-575	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	29/7/1988	Hà Nội	39.63	48	Không đạt
576	MB-576	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19/11/1990	Quảng Bình	33.00	64	Không đạt
577	MB-577	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	04/01/1983	Hà Nội	20.50	48	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
578	MB-578	Trần Thị Thanh	Huyện	Nữ	01/12/1992	Quảng Bình	31.00	64	Không đạt
579	MB-579	Âu Thị	Huyện	Nữ	22/5/1995	Bắc Giang	43.75	52	Không đạt
580	MB-580	Dương Thị	Huyện	Nữ	05/10/1992	Hà Nội	36.50	46	Không đạt
581	MB-581	Mai Thị	Huyện	Nữ	24/4/1994	Điện Biên	51.00	82	Đạt
582	MB-582	Mai Thị	Huyện	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	35.25	60	Không đạt
583	MB-583	Nguyễn Thị	Huyện	Nữ	12/9/1991	Nghệ An	40.00	52	Không đạt
584	MB-584	Nguyễn Thị	Huyện	Nữ	24/3/1992	Thanh Hóa	35.50	62	Không đạt
585	MB-585	Phạm Thị	Huyện	Nữ	20/11/1990	Hải Phòng	52.00	70	Đạt
586	MB-586	Phùng Thị	Huyện	Nữ	23/4/1994	Hà Nội	32.50	60	Không đạt
587	MB-587	Trần Thị	Huyện	Nữ	22/7/1984	Hung Yên	28.50	42	Không đạt
588	MB-588	Ngô Thu	Huyện	Nữ	20/5/1994	Quảng Ninh	36.00	68	Không đạt
589	MB-589	Nguyễn Thu	Huyện	Nữ	28/4/1993	Hà Nội	36.25	68	Không đạt
590	MB-590	Phạm Thu	Huyện	Nữ	13/11/1998	Hà Nội	36.00	62	Không đạt
591	MB-591	Phan Thu	Huyện	Nữ	06/8/1997	Hà Nội	41.75	60	Không đạt
592	MB-592	Nguyễn Thị Thu	Huyện	Nữ	20/8/1992	Bắc Giang	31.75	64	Không đạt
593	MB-593	Trần Thị Thu	Huyện	Nữ	25/11/1989	Nam Định	39.50	64	Không đạt
594	MB-594	Nguyễn Văn	Huyện	Nam	08/7/1982	Hà Nội	41.00	72	Không đạt
595	MB-595	Nguyễn Trọng	Huỳnh	Nam	22/4/1979	Thừa Thiên Huế	31.00	56	Không đạt
596	MB-596	Lê Mai	Khanh	Nữ	20/01/1994	Hà Nội	35.25	50	Không đạt
597	MB-597	Nguyễn Đăng	Khánh	Nam	13/4/1990	Hải Phòng	27.75	64	Không đạt
598	MB-598	Võ Lê	Khánh	Nam	12/11/1982	Đắk Lắk	32.50	42	Không đạt
599	MB-599	Võ Quốc	Khánh	Nam	02/9/1991	Đà Nẵng	39.25	60	Không đạt
600	MB-600	Đinh Văn	Khánh	Nam	03/6/1995	Hà Nội	30.00	50	Không đạt
601	MB-601	Phùng Văn	Khánh	Nam	20/11/1985	Hà Nội	31.75	52	Không đạt
602	MB-602	Phạm Văn	Khiêm	Nam	10/11/1985	Hải Dương	35.50	62	Không đạt
603	MB-603	Nguyễn Ngọc	Khoa	Nam	23/01/1983	Hà Nội	24.25	48	Không đạt
604	MB-604	Nguyễn Việt	Khoa	Nam	14/10/1979	Hà Nội	36.00	52	Không đạt
605	MB-605	Nguyễn Quốc Bảo	Khôi	Nam	03/8/1999	Hung Yên	50.25	70	Đạt
606	MB-606	Lê Minh	Khôi	Nam	07/5/1982	Quảng Ninh	36.25	58	Không đạt
607	MB-607	Tạ Đức	Khuong	Nam	01/9/1991	Gia Lai	43.25	80	Không đạt
608	MB-608	Nguyễn Trọng	Khuong	Nam	10/10/1960	Hà Nội	36.00	78	Không đạt
609	MB-609	Nông Văn	Khuong	Nam	26/5/1988	Lạng Sơn	30.00	68	Không đạt
610	MB-610	Phan Văn	Khuong	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	23.38	50	Không đạt
611	MB-611	Nguyễn Công	Kiên	Nam	05/01/1966	Hà Nội	38.75	80	Không đạt
612	MB-612	Vũ Đức	Kiên	Nam	25/01/1973	Hải Dương	27.25	64	Không đạt
613	MB-613	Trần Ngọc	Kiên	Nam	01/3/1992	Hà Nội	28.50	56	Không đạt
614	MB-614	Dương Quang	Kiên	Nam	19/02/1985	Bắc Kạn	11.88	38	Không đạt
615	MB-615	Nguyễn Thanh	Kiên	Nam	03/02/1988	Thanh Hóa	19.25	46	Không đạt
616	MB-616	Lê Trung	Kiên	Nam	03/6/1984	Hà Nội	28.63	70	Không đạt
617	MB-617	Lò Trung	Kiên	Nam	29/11/1990	Sơn La	38.25	58	Không đạt
618	MB-618	Lê Ngọc Trung	Kiên	Nam	02/9/1990	Khánh Hòa	34.25	80	Không đạt
619	MB-619	Nguyễn Xuân	Kiên	Nam	24/6/1988	Hà Nội	28.75	54	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
620	MB-620	Phan Khắc	Kiều	Nam	02/4/1992	Hà Tĩnh	26.50	70	Không đạt
621	MB-621	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	20/02/1985	Thừa Thiên Huế	44.50	80	Không đạt
622	MB-622	Đào Thị Bạch	Kim	Nữ	10/3/1966	Đắk Lắk	31.13	68	Không đạt
623	MB-623	Ngô Thế	Kim	Nam	10/4/1983	Lào Cai	7.38	36	Không đạt
624	MB-624	Nguyễn Ngọc Hồng	Kông	Nữ	18/8/1987	Quảng Bình	23.38	54	Không đạt
625	MB-625	Vũ Cao	Kỳ	Nam	03/6/1977	Hà Nội			Không đạt
626	MB-626	Thái Văn	Kỳ	Nam	17/8/1995	Quảng Ngãi	42.25	72	Không đạt
627	MB-627	Lê Văn	Lai	Nam	29/10/1990	Ninh Thuận	30.75	68	Không đạt
628	MB-628	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	16/7/1988	Bắc Ninh	36.63	54	Không đạt
629	MB-629	Nguyễn Đình	Lam	Nam	07/7/1990	Đắk Lắk	52.50	76	Đạt
630	MB-630	Nguyễn Hồng Duy	Lâm	Nữ	09/02/1990	Đà Nẵng	30.38	48	Không đạt
631	MB-631	Phùng Xuân	Lâm	Nam	02/01/1978	Hà Nội	15.50	54	Không đạt
632	MB-632	Trần Bích	Lan	Nữ	27/5/1983	Nghệ An	32.25	70	Không đạt
633	MB-633	Đinh Thị Hoàng	Lan	Nữ	01/11/1998	Quảng Bình			Không đạt
634	MB-634	Trần Thị Hương	Lan	Nữ	23/7/1994	Yên Bái	25.88	64	Không đạt
635	MB-635	Hồ Thị Mai	Lan	Nữ	15/10/1994	Hà Nội	30.63	56	Không đạt
636	MB-636	Lư Ngọc	Lan	Nữ	03/8/1992	Hà Nội	51.63	80	Đạt
637	MB-637	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	02/12/1975	Hà Nội	35.50	64	Không đạt
638	MB-638	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	14/8/1996	Hà Nội	24.00	64	Không đạt
639	MB-639	Phạm Thị Phương	Lan	Nữ	30/12/1997	Hà Nam	46.63	82	Không đạt
640	MB-640	Đinh Thị Thanh	Lan	Nữ	04/02/1995	Hà Nội	27.00	62	Không đạt
641	MB-641	Lê Thị	Lan	Nữ	13/02/1990	Đắk Lắk	53.00	72	Đạt
642	MB-642	Lê Thị	Lan	Nữ	20/01/1991	Hải Dương	33.38	70	Không đạt
643	MB-643	Lê Thị	Lan	Nữ	21/12/1993	Thanh Hóa	50.50	70	Đạt
644	MB-644	Lê Thị	Lan	Nữ	02/6/1990	Thanh Hóa	15.00	48	Không đạt
645	MB-645	Lê Thị	Lan	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	24.00	50	Không đạt
646	MB-646	Ngô Thị	Lan	Nữ	28/5/1994	Hà Nội	59.50	64	Đạt
647	MB-647	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	12/3/1994	Quảng Ninh	44.50	82	Không đạt
648	MB-648	Nông Thị	Lan	Nữ	26/6/1992	Tuyên Quang			Không đạt
649	MB-649	Trần Thị	Lan	Nữ	10/5/1992	Bắc Ninh	33.50	56	Không đạt
650	MB-650	Điền Tuyết	Lan	Nữ	05/11/1961	Ninh Bình	17.50	42	Không đạt
651	MB-651	Lê Thị Yên	Lan	Nữ	28/10/1993	Gia Lai	50.00	72	Đạt
652	MB-652	Nghiêm Mạnh	Lân	Nam	24/4/1961	Hà Nội			Không đạt
653	MB-653	Nguyễn Thị Kim	Lành	Nữ	06/8/1977	Hà Tĩnh			Không đạt
654	MB-654	Nguyễn Thị Thu	Lập	Nữ	20/8/1992	Gia Lai	42.50	68	Không đạt
655	MB-655	Nguyễn Thị Như	Lê	Nữ	04/7/1995	Quảng Nam	59.63	78	Đạt
656	MB-656	Nguyễn Thị Thúy	Lê	Nữ	12/02/1986	Hà Nội	39.50	74	Không đạt
657	MB-657	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	Nữ	29/9/1992	Quảng Ngãi	38.00	68	Không đạt
658	MB-658	Trần Thị Nhật	Lệ	Nữ	10/9/1996	Quảng Ninh	32.75	60	Không đạt
659	MB-659	Quách Thị	Len	Nữ	26/6/1982	Hà Nội	38.00	62	Không đạt
660	MB-660	Trần Văn	Liêm	Nam	25/06/1984	Hà Nội	22.00	54	Không đạt
661	MB-661	Lê Thị Bích	Liên	Nữ	06/4/1986	Hà Nội	37.00	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
662	MB-662	Triệu Thị Bích	Liên	Nữ	22/12/1983	Vĩnh Phúc	21.00	54	Không đạt
663	MB-663	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	50.00	60	Đạt
664	MB-664	Kiều Thị Mai	Liên	Nữ	13/01/1965	Hà Nội			Không đạt
665	MB-665	Trần Thị	Liên	Nữ	26/10/1990	Thừa Thiên Huế	25.00	62	Không đạt
666	MB-666	Nguyễn Thị Thu	Liên	Nữ	13/9/1974	Quảng Trị	32.00	50	Không đạt
667	MB-667	Trần Thuỳ	Liên	Nữ	18/6/1993	Thanh Hóa	39.88	58	Không đạt
668	MB-668	Trần Ngọc	Liên	Nam	05/9/1991	Đắk Lắk	34.50	66	Không đạt
669	MB-669	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	16/7/1991	Hưng Yên	42.75	70	Không đạt
670	MB-670	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	14/12/1994	Hà Nội	55.75	92	Đạt
671	MB-671	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	05/12/1995	Hà Nội	50.50	68	Đạt
672	MB-672	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	02/9/1995	Nghệ An	34.00	60	Không đạt
673	MB-673	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	19/10/1995	Bắc Ninh	50.50	82	Đạt
674	MB-674	Phan Thị Diệu	Linh	Nữ	22/12/1986	Hải Phòng	38.50	62	Không đạt
675	MB-675	Vũ Diệu	Linh	Nữ	08/4/1994	Phú Thọ	50.00	70	Đạt
676	MB-676	Nguyễn Thị Giang	Linh	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	50.00	58	Đạt
677	MB-677	Từ Công Hải	Linh	Nam	14/8/1992	Quảng Bình	66.50	80	Đạt
678	MB-678	Văn Đặng Hoàng	Linh	Nữ	27/10/1996	Gia Lai	32.50	56	Không đạt
679	MB-679	Khang Khánh	Linh	Nữ	18/4/1994	Vĩnh Phúc	31.50	42	Không đạt
680	MB-680	Phạm Lâm Khánh	Linh	Nữ	31/01/1987	Đà Nẵng	50.00	54	Đạt
681	MB-681	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	10/7/1995	Ninh Bình	50.50	68	Đạt
682	MB-682	Trương Khánh	Linh	Nữ	23/10/1997	Đà Nẵng	50.50	54	Đạt
683	MB-683	Vũ Mạnh	Linh	Nam	15/6/1989	Thanh Hóa	51.00	60	Đạt
684	MB-684	Đào Mỹ	Linh	Nữ	03/3/1990	Hà Nội	37.25	68	Không đạt
685	MB-685	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/12/1996	Hà Tĩnh	50.00	56	Đạt
686	MB-686	Lê Ngọc	Linh	Nam	05/7/1993	Thanh Hóa	25.00	48	Không đạt
687	MB-687	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	16/7/1997	Hà Nội	38.50	50	Không đạt
688	MB-688	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	17/7/1995	Quảng Bình			Không đạt
689	MB-689	Phạm Ngọc	Linh	Nam	14/5/1995	Hà Nội	29.50	62	Không đạt
690	MB-690	Nguyễn	Linh	Nam	01/12/1958	Bình Định	32.50	54	Không đạt
691	MB-691	Hoàng Nhật	Linh	Nam	17/8/1990	Quảng Bình	50.00	86	Đạt
692	MB-692	Hoàng Phương	Linh	Nữ	03/12/1997	Bắc Ninh	53.50	86	Đạt
693	MB-693	Trần Phương	Linh	Nữ	04/12/1997	Tuyên Quang	42.00	68	Không đạt
694	MB-694	Bùi Thị	Linh	Nữ	01/6/1991	Hải Dương	55.50	80	Đạt
695	MB-695	Bùi Thị	Linh	Nữ	02/02/1988	Thái Bình	50.00	66	Đạt
696	MB-696	Hoàng Thị	Linh	Nữ	12/8/1990	Lào Cai	40.50	42	Không đạt
697	MB-697	Ngô Thị	Linh	Nữ	13/02/1980	Sơn La	6.00	38	Không đạt
698	MB-698	Phạm Thị	Linh	Nữ	02/4/1992	Sơn La	40.00	74	Không đạt
699	MB-699	Trần Thị	Linh	Nữ	19/9/1995	Khánh Hòa	59.00	80	Đạt
700	MB-700	Bùi Thùy	Linh	Nữ	11/10/1981	Thái Nguyên	52.50	74	Đạt
701	MB-701	Đặng Thùy	Linh	Nữ	06/4/1990	Hòa Bình	37.50	74	Không đạt
702	MB-702	Cao Thị Thùy	Linh	Nữ	03/11/1998	Hà Nội	39.50	54	Không đạt
703	MB-703	Đàm Thị Thùy	Linh	Nữ	05/5/1998	Bắc Ninh	25.50	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
704	MB-704	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	19/7/1979	Quảng Bình	17.50	52	Không đạt
705	MB-705	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	12/10/1996	Nghệ An	31.00	54	Không đạt
706	MB-706	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/6/1995	Quảng Bình	39.50	66	Không đạt
707	MB-707	Vương Tiểu	Linh	Nữ	14/5/1994	Bình Định	29.88	86	Không đạt
708	MB-708	Trần Việt	Linh	Nam	31/12/1990	Nghệ An	26.13	68	Không đạt
709	MB-709	Đặng Thị Châu	Loan	Nữ	07/3/1963	Nam Định	23.13	60	Không đạt
710	MB-710	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	15/9/1995	Hà Nội	39.50	46	Không đạt
711	MB-711	Hà Phương	Loan	Nữ	15/11/1992	Yên Bái	25.88	74	Không đạt
712	MB-712	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	08/6/1992	Phú Thọ	61.00	76	Đạt
713	MB-713	Đinh Thị	Loan	Nữ	27/6/1997	Hà Nội	43.75	66	Không đạt
714	MB-714	Hoàng Thị	Loan	Nam	03/4/1987	Hải Dương			Không đạt
715	MB-715	Lê Thị	Loan	Nữ	10/6/1994	Gia Lai	41.13	68	Không đạt
716	MB-716	Lê Thị	Loan	Nữ	18/9/1984	Vĩnh Phúc	48.00	76	Không đạt
717	MB-717	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	19/6/1993	Bắc Ninh	39.50	76	Không đạt
718	MB-718	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	28/12/1981	Quảng Ninh	30.25	36	Không đạt
719	MB-719	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/12/1996	Thanh Hóa	55.25	82	Đạt
720	MB-720	Trần Thị	Loan	Nữ	28/5/1993	Hà Nội	44.25	72	Không đạt
721	MB-721	Hà Vi	Loan	Nữ	20/9/1996	Thanh Hóa	32.50	60	Không đạt
722	MB-722	Tạ Thị Bích	Lợi	Nữ	12/5/1988	Vĩnh Phúc	24.13	52	Không đạt
723	MB-723	Huỳnh Đức	Lợi	Nam	10/8/1983	Đà Nẵng	43.75	76	Không đạt
724	MB-724	Phạm Công	Long	Nam	22/01/1989	Kon Tum	38.75	70	Không đạt
725	MB-725	Đào Đức	Long	Nam	06/5/1988	Hải Phòng	38.00	78	Không đạt
726	MB-726	Lê Bá Hoàng	Long	Nam	01/8/1995	Khánh Hòa	50.63	78	Đạt
727	MB-727	Lê Hoàng	Long	Nam	29/4/1988	Khánh Hòa	37.63	62	Không đạt
728	MB-728	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	03/11/1988	Khánh Hòa	34.00	56	Không đạt
729	MB-729	Nguyễn Quang	Long	Nam	24/4/1988	Hà Nội	34.75	48	Không đạt
730	MB-730	Phí Thanh	Long	Nam	26/6/1961	Hà Nội	17.38	66	Không đạt
731	MB-731	Trần Thanh	Long	Nam	16/5/1993	Quảng Nam	33.00	72	Không đạt
732	MB-732	Nguyễn Thành	Long	Nam	24/3/1988	Hà Nội	43.50	68	Không đạt
733	MB-733	Nguyễn Thành	Long	Nam	09/7/1957	Hà Nội			Không đạt
734	MB-734	Đậu Thị	Long	Nữ	14/02/1993	Ninh Thuận	43.00	62	Không đạt
735	MB-735	Đinh Văn	Long	Nam	16/02/1993	Bắc Ninh	42.88	62	Không đạt
736	MB-736	Nguyễn Văn	Long	Nam	10/6/1986	Thanh Hóa	29.25	66	Không đạt
737	MB-737	Phạm Văn	Long	Nam	06/02/1995	Ninh Thuận	50.13	62	Đạt
738	MB-738	Kiều Xuân	Long	Nam	19/9/1976	Hà Nội	22.00	48	Không đạt
739	MB-739	Nguyễn Văn	Luân	Nam	10/3/1991	Hà Nội	58.50	70	Đạt
740	MB-740	Cao Văn	Luật	Nam	22/8/1998	Đà Nẵng	39.00	68	Không đạt
741	MB-741	Nguyễn Tấn	Lực	Nam	25/6/1990	Quảng Ngãi	42.00	60	Không đạt
742	MB-742	Vũ Quang	Lương	Nam	02/3/1998	Thanh Hóa	50.13	70	Đạt
743	MB-743	Triệu Sinh	Lương	Nam	17/7/1992	Thái Nguyên	24.00	76	Không đạt
744	MB-744	Đỗ Thị	Lương	Nữ	31/12/1996	Hà Nội	54.00	84	Đạt
745	MB-745	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/10/1990	Thái Nguyên	58.25	74	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
746	MB-746	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	08/02/1994	Vĩnh Phúc	28.13	32	Không đạt
747	MB-747	Nguyễn Tiến	Lương	Nam	26/7/1989	Son La	37.00	60	Không đạt
748	MB-748	Lại Tuấn	Lượng	Nam	23/7/1984	Vĩnh Phúc	27.63	34	Không đạt
749	MB-749	Đào Văn	Lượng	Nam	19/9/1984	Thanh Hóa	50.25	46	Không đạt
750	MB-750	Lê Văn	Lưu	Nam	20/10/1988	Phú Yên	11.50	64	Không đạt
751	MB-751	Nguyễn Thị	Luyến	Nữ	30/11/1966	Son La	21.25	44	Không đạt
752	MB-752	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	Nữ	30/5/1990	Phú Thọ	50.25	74	Đạt
753	MB-753	Nguyễn Thị Ánh	Ly	Nữ	03/10/1998	Quảng Nam	37.50	60	Không đạt
754	MB-754	Chu Cẩm	Ly	Nữ	25/8/1992	Đắk Lắk	53.00	68	Đạt
755	MB-755	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	24/9/1990	Nghệ An	50.38	72	Đạt
756	MB-756	Trịnh Thảo	Ly	Nữ	26/11/1995	Thanh Hóa	50.25	76	Đạt
757	MB-757	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	15/6/1989	Kon Tum	32.63	52	Không đạt
758	MB-758	Lê Thủy	Ly	Nữ	06/6/1996	Quảng Nam	55.25	76	Đạt
759	MB-759	Nguyễn Thị Trà	Ly	Nữ	29/3/1988	Đà Nẵng	34.75	62	Không đạt
760	MB-760	Trần Trang	Ly	Nữ	05/9/1994	Phú Thọ	50.25	54	Đạt
761	MB-761	Nguyễn Công	Lý	Nam	07/5/1987	Khánh Hòa	45.25	56	Không đạt
762	MB-762	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	21/10/1996	Đắk Lắk	32.50	64	Không đạt
763	MB-763	Trần Văn	Lý	Nam	01/01/1961	Tuyên Quang	35.25	54	Không đạt
764	MB-764	Vũ Thị Hương	Mai	Nữ	14/7/1992	Hà Nội	26.75	50	Không đạt
765	MB-765	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	14/3/1967	Khánh Hòa	40.75	60	Không đạt
766	MB-766	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/02/1992	Đắk Lắk	51.25	68	Đạt
767	MB-767	Phan Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/02/1993	Nam Định	27.50	60	Không đạt
768	MB-768	Hoàng Trần Ngọc	Mai	Nữ	29/02/1992	Đà Nẵng	43.50	66	Không đạt
769	MB-769	Lê Thị Quỳnh	Mai	Nữ	11/7/1988	Hòa Bình	16.38	54	Không đạt
770	MB-770	Trần Quỳnh	Mai	Nữ	24/12/1990	Phú Thọ	17.50	40	Không đạt
771	MB-771	Đào Thị	Mai	Nữ	21/6/1992	Thanh Hóa	31.75	60	Không đạt
772	MB-772	Trần Thị	Mai	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	52.75	72	Đạt
773	MB-773	Đặng Thị Tuyết	Mai	Nữ	03/3/1988	Bình Định	33.13	64	Không đạt
774	MB-774	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	Nữ	02/10/1965	Bình Định	19.00	46	Không đạt
775	MB-775	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	12/9/1993	Hà Nội	42.63	58	Không đạt
776	MB-776	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	23/11/1995	Bắc Ninh	41.50	70	Không đạt
777	MB-777	Đỗ Đức	Mạnh	Nam	02/6/1992	Hà Nội	23.00	66	Không đạt
778	MB-778	Nguyễn Thế	Mạnh	Nam	15/5/1996	Quảng Ninh	19.13	64	Không đạt
779	MB-779	Hoàng Tiến	Mạnh	Nam	18/5/1975	Khánh Hòa	13.00	40	Không đạt
780	MB-780	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	06/02/1987	Nghệ An	33.25	76	Không đạt
781	MB-781	Văn Viết	Mạnh	Nam	21/02/1986	Thừa Thiên Huế	16.25	62	Không đạt
782	MB-782	Lại Văn	Mậu	Nam	22/12/1988	Hà Nội	28.50	70	Không đạt
783	MB-783	Đỗ Thị Hồng	Mây	Nữ	20/02/1992	Hà Nội	23.63	68	Không đạt
784	MB-784	Nguyễn Thị	Mây	Nữ	23/7/1980	Hải Dương	11.50	56	Không đạt
785	MB-785	Quảng Thị	Miền	Nữ	10/10/1992	Hà Nội	24.00	68	Không đạt
786	MB-786	Đỗ Anh	Minh	Nam	31/01/1996	Thanh Hóa	55.50	82	Đạt
787	MB-787	Phan Bình	Minh	Nam	10/12/1993	Đắk Lắk	53.63	84	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
788	MB-788	Hà Thị Bình	Minh	Nữ	14/5/1991	Bắc Kạn	38.25	52	Không đạt
789	MB-789	Đỗ Chí	Minh	Nam	19/10/1995	Thanh Hóa	22.13	80	Không đạt
790	MB-790	Phạm Công	Minh	Nam	27/10/1991	Hà Nội	35.00	86	Không đạt
791	MB-791	Lê Đăng Hòa	Minh	Nữ	14/12/1995	Khánh Hòa	35.63	48	Không đạt
792	MB-792	Ngô Hoàng	Minh	Nam	03/4/1985	Hà Nam	30.00	54	Không đạt
793	MB-793	Đào Ngọc	Minh	Nam	12/10/1979	Hải Dương	9.88	60	Không đạt
794	MB-794	Đinh Quang	Minh	Nam	04/02/1993	Hà Nội	13.63	76	Không đạt
795	MB-795	Vũ Thị	Minh	Nữ	06/8/1994	Hải Phòng	41.38	88	Không đạt
796	MB-796	Chu Văn	Minh	Nam	12/9/1991	Nghệ An	40.25	68	Không đạt
797	MB-797	Nguyễn Văn	Minh	Nam	12/10/1957	Bình Định	8.00	32	Không đạt
798	MB-798	Vũ Xuân	Minh	Nam	01/01/1978	Hà Nội	12.50	54	Không đạt
799	MB-799	Đặng Thị	Mơ	Nữ	29/12/1989	Nam Định	33.63	44	Không đạt
800	MB-800	Lê Thị	Mơ	Nữ	25/02/1992	Nghệ An	33.25	60	Không đạt
801	MB-801	Cao Thị Trà	Mơ	Nữ	05/9/1985	Hà Nội	42.63	66	Không đạt
802	MB-802	Trương Văn	Mùi	Nam	15/05/1986	Hải Phòng			Không đạt
803	MB-803	Nguyễn Thị	Mười	Nữ	16/8/1965	Gia Lai	33.13	50	Không đạt
804	MB-804	Nguyễn Trà	My	Nữ	05/02/1992	Tuyên Quang	21.75	48	Không đạt
805	MB-805	Phan Thị Tuyết	My	Nữ	21/6/1990	Đắk Lắk	13.75	56	Không đạt
806	MB-806	Bùi Thị Huyền	Mỹ	Nữ	07/11/1993	Hòa Bình	36.00	70	Không đạt
807	MB-807	Lại Thị Lệ	Mỹ	Nữ	15/6/1995	Hà Tĩnh	39.38	68	Không đạt
808	MB-808	Nguyễn Thị Phương	Mỹ	Nữ	09/10/1991	Hà Nội	43.13	62	Không đạt
809	MB-809	Nguyễn Anh	Nam	Nam	28/9/1972	Hải Phòng	19.50	40	Không đạt
810	MB-810	Trịnh Đức	Nam	Nam	05/9/1996	Thanh Hóa	28.00	72	Không đạt
811	MB-811	Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/8/1990	Hải Phòng	51.13	84	Đạt
812	MB-812	Phạm Hoài	Nam	Nam	20/10/1983	Khánh Hòa	36.38	50	Không đạt
813	MB-813	Chu Hoàng	Nam	Nam	15/8/1983	Thái Nguyên	30.13	48	Không đạt
814	MB-814	Nguyễn Nhất	Nam	Nam	21/12/1994	Hà Nội	68.38	86	Đạt
815	MB-815	Đinh Thị Phương	Nam	Nữ	04/02/1977	Hà Nội	19.50	60	Không đạt
816	MB-816	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	23/6/1987	Hải Phòng	30.63	66	Không đạt
817	MB-817	Nguyễn Thom	Nam	Nữ	09/02/1966	Bắc Giang			Không đạt
818	MB-818	Đoàn Tiến	Nam	Nam	04/8/1976	Hà Nội	32.50	70	Không đạt
819	MB-819	Hoàng Văn	Nam	Nam	20/8/1993	Nghệ An	26.38	56	Không đạt
820	MB-820	Phạm Văn	Nam	Nam	15/8/1993	Hà Nội	51.50	64	Đạt
821	MB-821	Hoàng Thị Hằng	Nga	Nữ	15/12/1997	Nghệ An	36.75	62	Không đạt
822	MB-822	Nguyễn Hồng	Nga	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	50.75	78	Đạt
823	MB-823	Nguyễn Thị Mai	Nga	Nữ	07/6/1995	Hà Nội	37.75	58	Không đạt
824	MB-824	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	13/3/1994	Hà Nội	56.38	78	Đạt
825	MB-825	Lưu Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/4/1995	Vĩnh Phúc	40.00	50	Không đạt
826	MB-826	Phạm Thị Quỳnh	Nga	Nữ	06/11/1997	Đắk Lắk	18.63	56	Không đạt
827	MB-827	Tạ Thị Quỳnh	Nga	Nữ	16/11/1983	Lào Cai	37.63	78	Không đạt
828	MB-828	Đặng Thị	Nga	Nữ	03/8/1991	Hà Nội	40.68	66	Không đạt
829	MB-829	Hoàng Thị	Nga	Nữ	04/9/1994	Nghệ An	36.50	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
830	MB-830	Ngô Thu	Ngà	Nữ	07/02/1982	Lạng Sơn	28.88	46	Không đạt
831	MB-831	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	04/01/1990	Thanh Hóa	50.88	70	Đạt
832	MB-832	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	21/5/1994	Bắc Giang	39.00	70	Không đạt
833	MB-833	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	19/5/1991	Vĩnh Phúc	36.13	78	Không đạt
834	MB-834	Phạm	Ngân	Nam	19/5/1961	Ninh Thuận	6.75	20	Không đạt
835	MB-835	Ngô Thị Phương	Ngân	Nữ	19/9/1997	Nam Định	54.63	74	Đạt
836	MB-836	Phạm Thị	Ngân	Nữ	20/02/1997	Nam Định	44.38	66	Không đạt
837	MB-837	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	22/8/1995	Kon Tum	32.25	52	Không đạt
838	MB-838	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	11/3/1996	Thái Nguyên	42.50	64	Không đạt
839	MB-839	Nguyễn Thị	Ngát	Nữ	24/8/1979	Vĩnh Phúc	24.88	72	Không đạt
840	MB-840	Phạm Văn	Nghị	Nam	30/12/1975	Đắk Lắk	25.01	58	Không đạt
841	MB-841	Đinh Thị Thu	Nghĩa	Nữ	27/9/1985	Nghệ An	19.13	64	Không đạt
842	MB-842	Nguyễn Minh	Nghiệp	Nam	02/10/1994	Quảng Nam	36.25	66	Không đạt
843	MB-843	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	13/11/1995	Hà Nội	23.63	76	Không đạt
844	MB-844	Lê Thị Anh	Ngọc	Nữ	11/10/1995	Hà Nội			Không đạt
845	MB-845	Vương Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	19/3/1995	Quảng Bình	33.88	58	Không đạt
846	MB-846	Cáp Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/10/1994	Gia Lai	53.63	86	Đạt
847	MB-847	Đỗ Thị Bảo	Ngọc	Nữ	24/01/1996	Đà Nẵng	40.00	60	Không đạt
848	MB-848	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/10/1991	Hà Nội			Không đạt
849	MB-849	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/7/1994	Quảng Ngãi	27.88	64	Không đạt
850	MB-850	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/9/1966	Khánh Hòa	41.00	68	Không đạt
851	MB-851	Nguyễn Đức	Ngọc	Nam	11/02/1992	Hà Nội	45.63	76	Không đạt
852	MB-852	Phạm Đức	Ngọc	Nam	11/02/1982	Đắk Lắk	17.13	50	Không đạt
853	MB-853	Cao Thị Hồng	Ngọc	Nữ	15/4/1985	Hà Nội	41.00	74	Không đạt
854	MB-854	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	20/9/1994	Hà Nội	37.13	48	Không đạt
855	MB-855	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	02/9/1995	Thái Bình	43.88	56	Không đạt
856	MB-856	Nguyễn Lê	Ngọc	Nữ	02/01/1997	Lào Cai	36.88	54	Không đạt
857	MB-857	Ngô Minh	Ngọc	Nam	03/10/1989	Hải Phòng	28.25	56	Không đạt
858	MB-858	Hồ Thanh Minh	Ngọc	Nữ	04/8/1987	Bắc Ninh	51.88	72	Đạt
859	MB-859	Bạch Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	06/9/1996	Quảng Nam	19.50	60	Không đạt
860	MB-860	Phạm Quang	Ngọc	Nam	08/11/1987	Nam Định	18.88	72	Không đạt
861	MB-861	Lê Thị Thanh	Ngọc	Nữ	03/9/1996	Thanh Hóa	22.50	54	Không đạt
862	MB-862	Đỗ Thị	Ngọc	Nữ	24/12/1995	Quảng Ninh	41.50	82	Không đạt
863	MB-863	Lê Thị	Ngọc	Nữ	19/9/1988	Thanh Hóa	27.00	46	Không đạt
864	MB-864	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	10/11/1997	Bắc Ninh	36.75	64	Không đạt
865	MB-865	Đỗ Trọng	Ngọc	Nam	13/6/1993	Yên Bái	40.25	74	Không đạt
866	MB-866	Hoàng Văn	Ngọc	Nam	06/12/1990	Quảng Ninh	50.50	74	Đạt
867	MB-867	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	26/5/1985	Hải Phòng	26.25	56	Không đạt
868	MB-868	Bùi Xuân	Ngọc	Nam	15/8/1963	Đắk Lắk	28.00	44	Không đạt
869	MB-869	Lưu Thị Yên	Ngọc	Nữ	11/11/1992	Cao Bằng	36.50	64	Không đạt
870	MB-870	Nguyễn Thị Phúc	Nguyên	Nữ	30/3/1998	Khánh Hòa	40.75	52	Không đạt
871	MB-871	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	22/12/1983	Bình Định	27.63	58	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
872	MB-872	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	08/9/1982	Kon Tum	22.50	42	Không đạt
873	MB-873	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	12/10/1996	Gia Lai	33.25	52	Không đạt
874	MB-874	Nguyễn Thị	Nguyên	Nữ	10/3/1996	Quảng Bình	39.25	52	Không đạt
875	MB-875	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	16/6/1993	Đà Nẵng	33.75	78	Không đạt
876	MB-876	Phan Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	09/8/1992	Hà Nội	36.50	70	Không đạt
877	MB-877	Nguyễn Khánh	Nguyệt	Nữ	11/01/1963	Lào Cai	30.25	40	Không đạt
878	MB-878	Vũ Thị Minh	Nguyệt	Nữ	11/4/1986	Hải Phòng	28.75	62	Không đạt
879	MB-879	Phạm Như	Nguyệt	Nữ	21/4/1980	Thanh Hóa	24.25	58	Không đạt
880	MB-880	Lang Thị	Nguyệt	Nữ	14/01/1995	Nghệ An	21.75	44	Không đạt
881	MB-881	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	14/11/1992	Bắc Giang	44.38	62	Không đạt
882	MB-882	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	22/8/1990	Nghệ An	42.00	56	Không đạt
883	MB-883	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/02/1994	Kon Tum	50.75	80	Đạt
884	MB-884	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/5/1980	Quảng Ninh	27.75	70	Không đạt
885	MB-885	Vũ Thị	Nhàn	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	53.25	84	Đạt
886	MB-886	Hoàng Quốc	Nhân	Nam	05/11/1992	Nghệ An	52.00	84	Đạt
887	MB-887	Phạm Thị	Nhanh	Nữ	30/11/1964	Hà Nội	50.50	70	Đạt
888	MB-888	Nguyễn Thị	Nhất	Nữ	26/7/1995	Quảng Nam	32.25	54	Không đạt
889	MB-889	Đoàn Thị Nhi	Nhật	Nữ	07/8/1991	Đắk Lắk	56.38	66	Đạt
890	MB-890	Lê Văn	Nhật	Nam	03/5/1986	Hà Nội	56.25	64	Đạt
891	MB-891	Cao Việt	Nhật	Nam	09/12/1994	Hà Nội	44.25	54	Không đạt
892	MB-892	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	29/8/1996	Hà Nội	34.88	46	Không đạt
893	MB-893	Phan Thị Hà	Nhi	Nữ	28/5/1985	Đà Nẵng	35.00	58	Không đạt
894	MB-894	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	Nữ	14/02/1987	Hà Nội	31.50	42	Không đạt
895	MB-895	Phạm Thị	Như	Nữ	02/12/1988	Kon Tum	27.25	70	Không đạt
896	MB-896	Hoàng Hồng	Nhung	Nữ	12/11/1981	Quảng Ninh	46.00	70	Không đạt
897	MB-897	Đào Thị Hồng	Nhung	Nữ	26/7/1995	Hà Nội			Không đạt
898	MB-898	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/8/1999	Hà Nội	52.13	62	Đạt
899	MB-899	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/3/1994	Hà Nội	52.50	74	Đạt
900	MB-900	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1995	Hà Nội	51.75	72	Đạt
901	MB-901	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	Nữ	18/7/1984	Gia Lai	19.50	42	Không đạt
902	MB-902	Bùi Thị	Nhung	Nữ	05/6/1991	Lào Cai	40.38	74	Không đạt
903	MB-903	Dương Thị	Nhung	Nữ	19/9/1993	Thanh Hóa	39.13	56	Không đạt
904	MB-904	Hà Thị	Nhung	Nữ	28/3/1987	Gia Lai	26.00	46	Không đạt
905	MB-905	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	18/12/1994	Lạng Sơn	24.25	58	Không đạt
906	MB-906	Lê Thị	Nhung	Nữ	05/12/1986	Hà Nội	30.25	74	Không đạt
907	MB-907	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/01/1997	Lào Cai	52.75	66	Đạt
908	MB-908	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	31/7/1983	Quảng Bình	35.25	64	Không đạt
909	MB-909	Mai Tuyết	Nhung	Nữ	20/10/1996	Lào Cai	35.88	38	Không đạt
910	MB-910	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/8/1987	Thái Bình	43.00	56	Không đạt
911	MB-911	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	07/7/1991	Hà Nội	41.25	60	Không đạt
912	MB-912	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/4/1979	Hà Nội	51.63	74	Đạt
913	MB-913	Đậu Đình	Ninh	Nam	31/7/1988	Yên Bái	17.50	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
914	MB-914	Vũ Thị Thùy	Ninh	Nữ	02/12/1994	Hà Nội	51.38	70	Đạt
915	MB-915	Trần Hoàng	Điệp	Nữ	11/4/1988	Hà Nội	44.00	68	Không đạt
916	MB-916	Lê Thị Hồng	Minh	Nữ	23/6/1993	Hà Nội	36.63	74	Không đạt
917	MB-917	Nguyễn Hoàng Kim	Nữ	Nữ	05/12/1994	Thái Nguyên	30.88	56	Không đạt
918	MB-918	Huỳnh Đức	Oanh	Nam	26/7/1977	Quảng Ngãi	42.25	60	Không đạt
919	MB-919	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	22/12/1991	Quảng Trị	32.50	52	Không đạt
920	MB-920	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/02/1993	Hà Nội	37.38	70	Không đạt
921	MB-921	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	03/02/1997	Tuyên Quang	26.35	62	Không đạt
922	MB-922	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	28/10/1996	Hà Nội	51.75	72	Đạt
923	MB-923	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	03/7/1981	Hải Phòng			Không đạt
924	MB-924	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	Nữ	27/3/1995	Bắc Giang	18.25	54	Không đạt
925	MB-925	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	Nữ	07/10/1979	Quảng Ngãi	22.25	52	Không đạt
926	MB-926	Lê Thị	Oanh	Nữ	12/9/1986	Nghệ An	36.13	56	Không đạt
927	MB-927	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	07/8/1989	Hà Nội	21.50	44	Không đạt
928	MB-928	Nguyễn Thúy	Oanh	Nữ	30/8/1987	Hải Phòng	40.75	60	Không đạt
929	MB-929	Tôn Phạm Tấn	Phát	Nam	20/6/1994	Quảng Ngãi	37.75	80	Không đạt
930	MB-930	Trần Tiến	Phát	Nam	06/8/1998	Hà Nội	62.00	70	Đạt
931	MB-931	Nguyễn Văn	Phát	Nam	03/7/1991	Hà Nội	48.25	80	Không đạt
932	MB-932	Phạm Văn	Phê	Nam	23/10/1963	Hòa Bình	29.58	58	Không đạt
933	MB-933	Vũ Đức	Phi	Nam	25/7/1966	Hải Phòng	24.75	38	Không đạt
934	MB-934	Lê Viết	Phong	Nam	26/02/1997	Thừa Thiên Huế	39.00	68	Không đạt
935	MB-935	Vũ Gia	Phú	Nam	23/02/1981	Đắk Lắk	33.63	62	Không đạt
936	MB-936	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	10/9/1994	Đà Nẵng	41.75	52	Không đạt
937	MB-937	Hồ Công	Phúc	Nam	12/7/1990	Thừa Thiên Huế	18.90	50	Không đạt
938	MB-938	Vũ Thị Hồng	Phúc	Nữ	12/11/1985	Hà Nội	38.50	58	Không đạt
939	MB-939	Trần Mậu	Phúc	Nam	25/6/1988	Hà Nội	41.75	76	Không đạt
940	MB-940	Đỗ Thị	Phùng	Nữ	10/10/1983	Quảng Ngãi	16.25	42	Không đạt
941	MB-941	Lê Thị Xuân	Phụng	Nữ	20/11/1994	Quảng Ngãi	39.75	60	Không đạt
942	MB-942	Lê Hoàng	Phước	Nam	21/02/1993	Khánh Hòa	22.88	66	Không đạt
943	MB-943	Nguyễn Cảnh	Phuong	Nam	16/01/1966	Điện Biên	31.38	58	Không đạt
944	MB-944	Phan Thị Hà	Phuong	Nữ	25/5/1993	Lào Cai	65.75	72	Đạt
945	MB-945	Trịnh Thị Hà	Phuong	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	57.50	80	Đạt
946	MB-946	Nguyễn Thị Hồng	Phuong	Nữ	04/8/1987	Điện Biên	23.00	52	Không đạt
947	MB-947	Phạm Thị Hồng	Phuong	Nữ	02/6/1991	Thái Bình	58.50	82	Đạt
948	MB-948	Nguyễn Lan	Phuong	Nữ	06/7/1988	Hà Nội	56.00	74	Đạt
949	MB-949	Nguyễn Thị Lan	Phuong	Nữ	14/5/1964	Lào Cai	13.00	48	Không đạt
950	MB-950	Dương Linh	Phuong	Nữ	12/10/1992	Đắk Lắk	46.00	88	Không đạt
951	MB-951	Lê Mai	Phuong	Nữ	24/02/1995	Hà Nội	55.25	60	Đạt
952	MB-952	Nguyễn Mai	Phuong	Nữ	18/11/1996	Phú Thọ	57.38	72	Đạt
953	MB-953	Nguyễn Mai	Phuong	Nữ	01/6/1996	Quảng Ninh	34.25	66	Không đạt
954	MB-954	Triệu Thị Mai	Phuong	Nữ	09/6/1996	Khánh Hòa	31.00	62	Không đạt
955	MB-955	Bùi Thị Minh	Phuong	Nữ	16/12/1994	Hải Phòng	41.75	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
956	MB-956	Dương Thị Minh	Phương	Nữ	19/12/1981	Phú Thọ	39.38	70	Không đạt
957	MB-957	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	25/10/1987	Hải Phòng	41.75	52	Không đạt
958	MB-958	Phạm Thị Minh	Phương	Nữ	23/02/1966	Đắk Lắk	41.50	64	Không đạt
959	MB-959	Trần Minh	Phương	Nữ	07/5/1996	Nam Định	13.50	50	Không đạt
960	MB-960	Hoàng Mỹ	Phương	Nữ	06/4/1989	Thái Nguyên	43.50	56	Không đạt
961	MB-961	Lê Thanh	Phương	Nam	24/7/1986	Khánh Hòa	37.38	52	Không đạt
962	MB-962	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	21/4/1987	Thanh Hóa	35.50	68	Không đạt
963	MB-963	Trịnh Thế	Phương	Nam	17/02/1977	Hà Nội			Không đạt
964	MB-964	Hà Thị	Phương	Nữ	24/7/1992	Hòa Bình	53.50	74	Đạt
965	MB-965	Hoàng Thị	Phương	Nữ	24/01/1989	Hà Nội	37.38	66	Không đạt
966	MB-966	Lương Thị	Phương	Nữ	20/01/1995	Hà Nội	52.50	50	Đạt
967	MB-967	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/8/1991	Bắc Giang	54.00	68	Đạt
968	MB-968	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/11/1994	Hải Dương	60.25	66	Đạt
969	MB-969	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/11/1994	Ninh Bình	62.50	70	Đạt
970	MB-970	Phạm Thị	Phương	Nữ	17/7/1995	Hà Nội	43.75	48	Không đạt
971	MB-971	Tô Thị	Phương	Nữ	22/3/1979	Hà Nội	32.00	68	Không đạt
972	MB-972	Trần Thị	Phương	Nữ	22/02/1986	Hà Nội	37.50	48	Không đạt
973	MB-973	Vũ Thị	Phương	Nữ	10/9/1979	Hải Dương	31.13	64	Không đạt
974	MB-974	Trương Thị Thu	Phương	Nữ	23/3/1991	Hà Nội	65.50	82	Đạt
975	MB-975	Phạm Thị Thùy	Phương	Nữ	27/8/1985	Quảng Ngãi	32.13	64	Không đạt
976	MB-976	Trần Tri	Phương	Nam	06/01/1984	Hà Nội	32.25	74	Không đạt
977	MB-977	Bùi Văn	Phương	Nam	20/12/1976	Quảng Trị	9.25	44	Không đạt
978	MB-978	Nguyễn Văn	Phương	Nam	04/11/1980	Bình Định	39.75	48	Không đạt
979	MB-979	Nguyễn Văn	Phương	Nam	14/10/1993	Hà Nội	24.25	66	Không đạt
980	MB-980	Trần Văn	Phương	Nam	05/6/1988	Đắk Lắk	29.50	60	Không đạt
981	MB-981	Phạm Thị Ái	Phượng	Nữ	17/6/1996	Bắc Giang	27.25	58	Không đạt
982	MB-982	Đương Giao	Phượng	Nữ	01/5/1996	Hà Nội	35.00	48	Không đạt
983	MB-983	Võ Thị Mỹ	Phượng	Nữ	22/01/1974	Đà Nẵng	20.75	22	Không đạt
984	MB-984	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/4/1993	Hà Nội	54.75	84	Đạt
985	MB-985	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	21/4/1984	Hà Nội	34.50	56	Không đạt
986	MB-986	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/11/1983	Hà Nội	60.25	80	Đạt
987	MB-987	Phan Thị	Phượng	Nữ	24/10/1996	Nghệ An	52.75	74	Đạt
988	MB-988	Vy Thị	Phượng	Nữ	13/6/1994	Hà Nội	34.50	68	Không đạt
989	MB-989	Trần Thị Thúy	Phượng	Nữ	28/01/1995	Đắk Lắk	31.00	50	Không đạt
990	MB-990	Phạm Hồng	Quân	Nam	03/9/1994	Hà Nội	32.00	66	Không đạt
991	MB-991	Nghiêm Văn	Quân	Nam	28/10/1987	Hà Nội	30.00	48	Không đạt
992	MB-992	Nguyễn Việt	Quân	Nam	07/5/1988	Hà Nội	43.88	82	Không đạt
993	MB-993	Lê	Quân	Nam	15/10/1985	Quảng Nam	40.50	62	Không đạt
994	MB-994	Trương Đức	Quang	Nam	17/9/1987	Thanh Hóa	29.25	72	Không đạt
995	MB-995	Nguyễn Văn	Quang	Nam	22/7/1980	Thái Nguyên	25.00	32	Không đạt
996	MB-996	Trần Văn	Quang	Nam	23/02/1990	Vĩnh Phúc	30.63	46	Không đạt
997	MB-997	Lê Việt	Quang	Nam	08/4/1981	Bình Định	51.63	84	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
998	MB-998	Hà Công	Quảng	Nam	10/5/1987	Phú Thọ	47.75	70	Không đạt
999	MB-999	Nguyễn Thị Hồng	Quí	Nữ	20/02/1996	Đà Nẵng	51.63	68	Đạt
1000	MB-1000	Hoàng Trọng	Quốc	Nam	20/4/1956	Bình Định	21.13	28	Không đạt
1001	MB-1001	Hoàng Thị Kim	Quy	Nữ	04/11/1988	Quảng Ninh	30.75	60	Không đạt
1002	MB-1002	Đào Anh	Quý	Nam	04/8/1996	Hà Nội	32.25	54	Không đạt
1003	MB-1003	Phạm Đăng	Quý	Nam	04/4/1997	Hà Nam	33.25	66	Không đạt
1004	MB-1004	Trần Đình	Quý	Nam	06/6/1966	Sơn La	6.50	34	Không đạt
1005	MB-1005	Tôn Lê	Quý	Nữ	20/8/1993	Quảng Ngãi	29.75	56	Không đạt
1006	MB-1006	Nguyễn Ngọc	Quý	Nam	11/8/1993	Phú Thọ	37.88	76	Không đạt
1007	MB-1007	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	19/7/1991	Thái Nguyên	36.75	52	Không đạt
1008	MB-1008	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	30/4/1983	Thanh Hóa	36.25	64	Không đạt
1009	MB-1009	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	Nữ	30/3/1983	Lai Châu	18.75	38	Không đạt
1010	MB-1010	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	05/8/1999	Hà Nội	57.13	88	Đạt
1011	MB-1011	Lê Ngọc	Quyên	Nam	30/8/1991	Hà Nội	41.63	80	Không đạt
1012	MB-1012	Nguyễn Thế	Quyên	Nam	21/7/1988	Phú Thọ	41.00	60	Không đạt
1013	MB-1013	Phạm Thế	Quyên	Nam	20/02/1976	Hà Nội	21.38	66	Không đạt
1014	MB-1014	Hoàng Văn	Quyên	Nam	10/5/1991	Hà Nội	53.63	82	Đạt
1015	MB-1015	Hoàng Giao	Quỳnh	Nam	03/10/1972	Hải Phòng			Không đạt
1016	MB-1016	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	Nam	05/11/1969	Hà Tĩnh	19.50	74	Không đạt
1017	MB-1017	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	19/6/1993	Thanh Hóa	54.25	72	Đạt
1018	MB-1018	Lê Như	Quỳnh	Nữ	03/4/1990	Hà Nội	45.25	56	Không đạt
1019	MB-1019	Bùi Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/8/1993	Đà Nẵng	46.00	74	Không đạt
1020	MB-1020	Dương Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/11/1991	Hà Nội	44.75	68	Không đạt
1021	MB-1021	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/01/1997	Quảng Trị	55.25	70	Đạt
1022	MB-1022	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	02/4/1993	Hà Nội	40.75	46	Không đạt
1023	MB-1023	Trịnh Thị Như	Quỳnh	Nữ	23/8/1994	Hà Nội	37.88	48	Không đạt
1024	MB-1024	Võ Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/10/1990	Quảng Ngãi	44.63	68	Không đạt
1025	MB-1025	Chu Thị	Quỳnh	Nữ	12/12/1997	Hà Nội	50.00	80	Đạt
1026	MB-1026	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	24/12/1995	Thanh Hóa	34.63	58	Không đạt
1027	MB-1027	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	14/11/1995	Hà Nội	35.75	74	Không đạt
1028	MB-1028	Tông Thị	Quỳnh	Nữ	02/8/1989	Sơn La	26.88	52	Không đạt
1029	MB-1029	Trương Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	14/10/1997	Quảng Nam	50.00	66	Đạt
1030	MB-1030	Nguyễn Thành	Rin	Nam	23/10/1994	Quảng Nam	48.05	66	Không đạt
1031	MB-1031	Phí Thị Hải	Sâm	Nữ	25/01/1983	Hà Nội	32.25	68	Không đạt
1032	MB-1032	Nguyễn Thị Linh	Sâm	Nữ	12/11/1977	Nghệ An	10.50	44	Không đạt
1033	MB-1033	Nguyễn Thị	Sang	Nữ	19/7/1993	Quảng Ngãi	48.25	66	Không đạt
1034	MB-1034	Nguyễn Thị Thu	Sang	Nữ	20/02/1983	Kon Tum	5.75	54	Không đạt
1035	MB-1035	Đặng Xuân	Sang	Nam	12/02/1962	Bắc Giang	32.50	54	Không đạt
1036	MB-1036	Nguyễn Xuân	Sang	Nam	26/9/1995	Đắk Lắk	33.25	56	Không đạt
1037	MB-1037	Hoàng Minh	Sáng	Nam	18/3/1992	Nghệ An	30.38	56	Không đạt
1038	MB-1038	Lê Thị	Sánh	Nữ	07/5/1991	Hà Nội	39.25	72	Không đạt
1039	MB-1039	Hoàng Đức	Sở	Nam	18/9/1979	Quảng Ninh	3.00	32	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1040	MB-1040	Nguyễn Thị Ánh	Soi	Nữ	25/6/1987	Hà Nội	1.13	50	Không đạt
1041	MB-1041	Nguyễn Thị	Sọi	Nữ	06/4/1965	Nam Định			Không đạt
1042	MB-1042	Nguyễn Đình	Son	Nam	10/4/1979	Hà Tĩnh	19.38	62	Không đạt
1043	MB-1043	Nguyễn Hải	Son	Nam	19/6/1996	Kon Tum	17.25	56	Không đạt
1044	MB-1044	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	12/6/1997	Hà Nội	31.25	50	Không đạt
1045	MB-1045	Nguyễn Hồng	Son	Nam	19/10/1991	Hà Giang	21.75	36	Không đạt
1046	MB-1046	Nguyễn Hồng	Son	Nam	20/10/1989	Thanh Hóa	29.75	64	Không đạt
1047	MB-1047	Đặng Hữu	Son	Nam	01/12/1981	Hà Nội	38.00	46	Không đạt
1048	MB-1048	Hồ Minh	Son	Nam	27/3/1990	Thừa Thiên Huế	36.50	68	Không đạt
1049	MB-1049	Lương Minh	Son	Nam	11/10/1971	Hà Nội			Không đạt
1050	MB-1050	Trần Minh	Son	Nam	27/7/1958	Vĩnh Phúc	19.75		Không đạt
1051	MB-1051	Hà Ngọc	Son	Nam	21/8/1993	Bắc Ninh	50.25	64	Đạt
1052	MB-1052	Phạm Ngọc	Son	Nam	08/12/1992	Thanh Hóa	34.75	60	Không đạt
1053	MB-1053	Nguyễn Thanh	Son	Nam	24/11/1997	Hà Nội	47.00	62	Không đạt
1054	MB-1054	Lê Thành	Son	Nam	25/5/1976	Hà Nội	25.75	48	Không đạt
1055	MB-1055	Ngô Văn	Son	Nam	05/5/1989	Tuyên Quang	43.75	64	Không đạt
1056	MB-1056	Nguyễn Văn	Son	Nam	08/12/1966	Hà Giang	9.75	34	Không đạt
1057	MB-1057	Nguyễn Văn	Son	Nam	27/12/1997	Hà Nội	35.50	70	Không đạt
1058	MB-1058	Nguyễn Văn	Son	Nam	06/02/1991	Hải Dương	24.75	62	Không đạt
1059	MB-1059	Hà Xuân	Son	Nam	25/11/1993	Hà Nội	18.00	70	Không đạt
1060	MB-1060	Nguyễn Thanh	Sự	Nam	06/6/1988	Đắk Lắk	33.25	70	Không đạt
1061	MB-1061	Hà Văn	Tạ	Nam	15/01/1978	Bắc Kạn	7.38	50	Không đạt
1062	MB-1062	Nguyễn Anh	Tài	Nam	24/7/1987	Hải Phòng	51.75	68	Đạt
1063	MB-1063	Nguyễn Văn	Tài	Nam	23/3/1982	Hà Nội	36.00	72	Không đạt
1064	MB-1064	Vũ Văn	Tài	Nam	24/5/1960	Hà Nội			Không đạt
1065	MB-1065	Lê Nhật	Tâm	Nữ	06/5/1997	Khánh Hòa	42.50	62	Không đạt
1066	MB-1066	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	10/12/1994	Hà Nội	45.75	70	Không đạt
1067	MB-1067	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/3/1997	Đắk Lắk	29.00	54	Không đạt
1068	MB-1068	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/7/1993	Quảng Trị	34.25	58	Không đạt
1069	MB-1069	Doãn Thị	Tâm	Nữ	04/10/1990	Đắk Lắk	50.75	68	Đạt
1070	MB-1070	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	28/02/1991	Thanh Hóa	38.75	58	Không đạt
1071	MB-1071	Phạm Thị	Tâm	Nữ	04/11/1984	Hải Dương	55.00	76	Đạt
1072	MB-1072	Huỳnh Bá	Tân	Nam	06/8/1996	Đà Nẵng	35.50	72	Không đạt
1073	MB-1073	Nguyễn Duy	Tân	Nam	11/5/1995	Lào Cai	41.00	70	Không đạt
1074	MB-1074	Trần Minh	Tân	Nam	16/12/1986	Hà Nam	46.00	78	Không đạt
1075	MB-1075	Nguyễn Văn	Tân	Nam	30/5/1979	Thái Nguyên	36.75	64	Không đạt
1076	MB-1076	Phạm Quang	Tạo	Nam	20/10/1991	Đắk Lắk	33.25	72	Không đạt
1077	MB-1077	Đỗ Văn	Thạch	Nam	15/9/1993	Hải Dương	33.75	58	Không đạt
1078	MB-1078	Nguyễn Duy	Thái	Nam	07/10/1994	Bắc Ninh	25.25	48	Không đạt
1079	MB-1079	Trần Hoàng	Thái	Nam	16/9/1994	Đắk Lắk	41.50	82	Không đạt
1080	MB-1080	Nguyễn Hồng	Thái	Nam	12/7/1983	Quảng Nam	30.00	70	Không đạt
1081	MB-1081	Phạm Hồng	Thái	Nữ	28/02/1984	Hà Nội	44.00	74	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1082	MB-1082	Bùi Quang	Thái	Nam	06/7/1982	Nghệ An	43.25	74	Không đạt
1083	MB-1083	Đào Quang	Thái	Nam	20/01/1962	Quảng Ngãi	15.25	44	Không đạt
1084	MB-1084	Hoàng Quang	Thái	Nam	14/01/1981	Quảng Ninh	31.25	50	Không đạt
1085	MB-1085	Nguyễn Thị Hồng	Thăm	Nữ	12/11/1997	Đà Nẵng	45.50	70	Không đạt
1086	MB-1086	Trần Thị Hồng	Thăm	Nữ	31/5/1983	Vĩnh Phúc	50.50	64	Đạt
1087	MB-1087	Trương Thị Hồng	Thăm	Nữ	09/6/1995	Hà Nội	66.50	84	Đạt
1088	MB-1088	Chữ Thị	Thăm	Nữ	04/9/1993	Hà Nội	41.25	62	Không đạt
1089	MB-1089	Lương Thị	Thăm	Nữ	15/9/1992	Quảng Ninh	58.00	68	Đạt
1090	MB-1090	Trần Cao	Thắng	Nam	19/3/1991	Hà Nội	51.75	80	Đạt
1091	MB-1091	Hoàng Chiến	Thắng	Nam	07/02/1987	Hải Phòng	35.75	54	Không đạt
1092	MB-1092	Nguyễn Đăng	Thắng	Nam	17/6/1991	Hà Nội	55.25	80	Đạt
1093	MB-1093	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	19/9/1989	Thái Nguyên	34.75	54	Không đạt
1094	MB-1094	Ngô Mạnh	Thắng	Nam	31/10/1994	Hà Nội	55.88	90	Đạt
1095	MB-1095	Phạm Minh	Thắng	Nam	20/02/1969	Bình Định	39.50	62	Không đạt
1096	MB-1096	Giang Ngọc	Thắng	Nam	12/12/1968	Hà Nội	13.25	44	Không đạt
1097	MB-1097	Đỗ Quang	Thắng	Nam	23/7/1995	Hà Nội	55.10	82	Đạt
1098	MB-1098	Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	12/7/1993	Thanh Hóa	36.00	50	Không đạt
1099	MB-1099	Trần Toàn	Thắng	Nam	23/11/1978	Quảng Ninh	20.50	60	Không đạt
1100	MB-1100	Hà Văn	Thắng	Nam	09/9/1986	Hà Nội	36.75	66	Không đạt
1101	MB-1101	Lê Văn	Thắng	Nam	17/01/1997	Hải Phòng	32.75	54	Không đạt
1102	MB-1102	Nguyễn Thị Huyền	Thanh	Nữ	15/10/1990	Hà Nội	55.75	60	Đạt
1103	MB-1103	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	21/9/1996	Hà Nội	60.50	70	Đạt
1104	MB-1104	Hoàng Thị Kim	Thanh	Nữ	12/02/1992	Hà Nội	66.75	66	Đạt
1105	MB-1105	Nguyễn Lê	Thanh	Nam	14/10/1986	Hà Nội	25.50	44	Không đạt
1106	MB-1106	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	18/9/1991	Gia Lai	29.75	68	Không đạt
1107	MB-1107	Lê Thị Phương	Thanh	Nữ	28/10/1992	Hà Nội	33.50	66	Không đạt
1108	MB-1108	Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/11/1996	Hà Nội	50.25	54	Đạt
1109	MB-1109	Bùi Thị	Thanh	Nữ	09/7/1964	Hải Phòng			Không đạt
1110	MB-1110	Đặng Thị	Thanh	Nữ	15/12/1975	Đà Nẵng	20.50	54	Không đạt
1111	MB-1111	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	03/6/1991	Thanh Hóa	52.00	74	Đạt
1112	MB-1112	Lê Thị	Thanh	Nữ	21/01/1983	Phú Thọ	29.75	58	Không đạt
1113	MB-1113	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	22/4/1968	Gia Lai	11.25	18	Không đạt
1114	MB-1114	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05/10/1994	Hà Nội	37.00	64	Không đạt
1115	MB-1115	Phan Thị	Thanh	Nữ	13/8/1966	Phú Thọ	6.00	50	Không đạt
1116	MB-1116	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	Nữ	02/11/1980	Yên Bái	13.75	30	Không đạt
1117	MB-1117	Đỗ Xuân	Thanh	Nam	08/5/1979	Thanh Hóa	33.75	54	Không đạt
1118	MB-1118	Vũ Công	Thành	Nam	04/6/1996	Thái Bình	36.50	66	Không đạt
1119	MB-1119	Từ Mạnh	Thành	Nam	19/12/1971	Hà Nội	50.25	60	Đạt
1120	MB-1120	Võ Thị Mỹ	Thành	Nữ	14/9/1992	Quảng Nam	50.50	78	Đạt
1121	MB-1121	Hoàng Như	Thành	Nam	30/5/1988	Thanh Hóa	15.00	58	Không đạt
1122	MB-1122	Hoàng Trung	Thành	Nam	01/8/1985	Thừa Thiên Huế	33.00	64	Không đạt
1123	MB-1123	Nguyễn Trung	Thành	Nam	31/12/1993	Quảng Ninh	31.00	64	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1124	MB-1124	Phạm Văn	Thành	Nam	12/01/1994	Ninh Thuận	56.50	84	Đạt
1125	MB-1125	Phạm Thị Kim	Thảo	Nữ	20/8/1982	Quảng Nam	32.00	62	Không đạt
1126	MB-1126	Mai Ngọc	Thảo	Nữ	05/4/1987	Ninh Thuận	50.50	56	Đạt
1127	MB-1127	Lê Phương	Thảo	Nữ	16/02/1993	Đắk Lắk	53.50	80	Đạt
1128	MB-1128	Đinh Thị Phương	Thảo	Nữ	05/4/1991	Hà Nội			Không đạt
1129	MB-1129	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	28/8/1995	Gia Lai	25.00	66	Không đạt
1130	MB-1130	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	13/02/1995	Quảng Trị	40.00	64	Không đạt
1131	MB-1131	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/01/1998	Gia Lai	8.00	46	Không đạt
1132	MB-1132	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	28/3/1991	Hà Nội	29.00	52	Không đạt
1133	MB-1133	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/9/1995	Hải Phòng	55.00	66	Đạt
1134	MB-1134	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	15/8/1980	Nghệ An	44.13	58	Không đạt
1135	MB-1135	Trần Phương	Thảo	Nữ	20/8/1984	Bình Định	40.50	80	Không đạt
1136	MB-1136	Trần Phương	Thảo	Nữ	07/8/1993	Hà Nội	50.50	82	Đạt
1137	MB-1137	Vũ Phương	Thảo	Nữ	15/02/1990	Quảng Ngãi	15.50	44	Không đạt
1138	MB-1138	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	29/8/1994	Hà Giang	37.50	64	Không đạt
1139	MB-1139	Bùi Thị	Thảo	Nữ	10/7/1990	Thanh Hóa	19.00	70	Không đạt
1140	MB-1140	Bùi Thị	Thảo	Nữ	02/3/1994	Hà Nội	44.50	58	Không đạt
1141	MB-1141	La Thị	Thảo	Nữ	07/3/1993	Hà Nội	40.00	50	Không đạt
1142	MB-1142	Lê Thị	Thảo	Nữ	23/6/1982	Hà Nội	26.00	66	Không đạt
1143	MB-1143	Lê Thị	Thảo	Nữ	01/8/1993	Hà Nội	50.00	70	Đạt
1144	MB-1144	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/8/1988	Nghệ An	50.75	56	Đạt
1145	MB-1145	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	02/7/1990	Quảng Nam	35.88	54	Không đạt
1146	MB-1146	Trần Thị Hà	Thảo	Nữ	18/5/1991	Thái Nguyên	29.88	66	Không đạt
1147	MB-1147	Trần Thị	Thảo	Nữ	09/5/1991	Thanh Hóa	36.50	70	Không đạt
1148	MB-1148	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/10/1992	Hòa Bình	53.38	78	Đạt
1149	MB-1149	Vũ Thị	Thảo	Nữ	27/9/1991	Hà Nội	50.88	74	Đạt
1150	MB-1150	Mai Thu	Thảo	Nữ	30/9/1993	Thanh Hóa	41.25	60	Không đạt
1151	MB-1151	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	05/4/1995	Hà Nội	53.75	84	Đạt
1152	MB-1152	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/4/1989	Quảng Nam	54.00	74	Đạt
1153	MB-1153	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	14/01/1993	Thái Nguyên	44.25	72	Không đạt
1154	MB-1154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	01/6/1991	Quảng Bình			Không đạt
1155	MB-1155	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	31/8/1989	Hải Phòng	33.13	72	Không đạt
1156	MB-1156	Tạ Thị Thu	Thảo	Nữ	24/9/1995	Hà Nội	55.50	80	Đạt
1157	MB-1157	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	23/7/1995	Hà Nội	53.00	72	Đạt
1158	MB-1158	Vũ Thu	Thảo	Nữ	08/9/1997	Hà Nội	55.50	84	Đạt
1159	MB-1159	Đinh Vy	Thảo	Nữ	02/9/1996	Quảng Ngãi	21.00	52	Không đạt
1160	MB-1160	Nguyễn Xuân	Thế	Nam	06/01/1986	Quảng Bình	17.50	44	Không đạt
1161	MB-1161	Vũ Thị	Thêu	Nữ	04/9/1990	Thái Bình	53.50	70	Đạt
1162	MB-1162	Lê Minh	Thị	Nam	26/01/1979	Thanh Hóa	8.63	70	Không đạt
1163	MB-1163	Nguyễn Thị	Thiện	Nữ	17/7/1986	Lào Cai	24.50	52	Không đạt
1164	MB-1164	Mai Văn	Thìn	Nam	20/7/1987	Hà Nội	26.00	60	Không đạt
1165	MB-1165	Dương Thái	Thịnh	Nam	29/11/1986	Đắk Lắk	34.25	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1166	MB-1166	Nguyễn Tấn Trường	Thọ	Nam	16/01/1993	Quảng Nam	55.50	82	Đạt
1167	MB-1167	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	14/12/1998	Quảng Nam	24.00	54	Không đạt
1168	MB-1168	Nguyễn Kim	Thoa	Nữ	16/6/1978	Hà Nội	2.00		Không đạt
1169	MB-1169	Huỳnh Thị Kim	Thoa	Nữ	27/02/1996	Đắk Lắk	28.25	66	Không đạt
1170	MB-1170	Võ Thị Kim	Thoa	Nữ	19/01/1992	Quảng Ngãi	24.00	54	Không đạt
1171	MB-1171	Cao Phương	Thoa	Nữ	06/8/1978	Hà Nội	32.88	54	Không đạt
1172	MB-1172	Cao Thị	Thoa	Nữ	29/9/1995	Hà Nội	55.00	76	Đạt
1173	MB-1173	Trương Thị	Thoại	Nữ	23/10/1995	Hà Nội	36.75	76	Không đạt
1174	MB-1174	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	10/12/1991	Vĩnh Phúc	39.50	62	Không đạt
1175	MB-1175	Lê Hòa	Thu	Nữ	10/3/1982	Tuyên Quang	42.88	54	Không đạt
1176	MB-1176	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	21/3/1977	Đà Nẵng	34.25	70	Không đạt
1177	MB-1177	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/9/1993	Lào Cai	53.50	76	Đạt
1178	MB-1178	Phan Thị Hoài	Thu	Nữ	02/8/1993	Hà Nội	50.25	78	Đạt
1179	MB-1179	Đinh Thị Kim	Thu	Nữ	19/07/1967	Lào Cai	37.00	72	Không đạt
1180	MB-1180	Hoàng Lệ	Thu	Nữ	08/10/1995	Hà Nội	51.75	80	Đạt
1181	MB-1181	Đào Minh	Thu	Nữ	11/02/1987	Hải Phòng	41.50	68	Không đạt
1182	MB-1182	Triệu Minh	Thu	Nữ	02/9/1994	Hà Giang	37.63	44	Không đạt
1183	MB-1183	Dương Thị Thanh	Thu	Nữ	13/7/1995	Quảng Ngãi	22.00	74	Không đạt
1184	MB-1184	Đinh Thị	Thu	Nữ	07/11/1981	Thanh Hóa	19.75	60	Không đạt
1185	MB-1185	Dương Thị	Thu	Nữ	05/10/1996	Tuyên Quang	24.75	56	Không đạt
1186	MB-1186	Lê Thị	Thu	Nữ	25/10/1996	Quảng Nam	34.25	68	Không đạt
1187	MB-1187	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	01/7/1980	Hải Dương	33.50	56	Không đạt
1188	MB-1188	Tô Thị	Thu	Nữ	11/02/1991	Bắc Ninh	24.25	54	Không đạt
1189	MB-1189	Trần Thị Xuân	Thu	Nữ	19/02/1996	Quảng Ninh	50.25	76	Đạt
1190	MB-1190	Đỗ Thị	Thủ	Nữ	01/8/1984	Phú Thọ	30.50	74	Không đạt
1191	MB-1191	Trần Anh	Thư	Nữ	29/4/1981	Ninh Thuận	53.00	86	Đạt
1192	MB-1192	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	28/6/1997	Hà Nội	50.00	80	Đạt
1193	MB-1193	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	03/12/1995	Thừa Thiên Huế	41.25	58	Không đạt
1194	MB-1194	Tân Thị Thanh	Thư	Nữ	10/8/1994	Quảng Ngãi	46.25	62	Không đạt
1195	MB-1195	Nguyễn Văn	Thư	Nam	07/11/1987	Thái Bình	22.50	46	Không đạt
1196	MB-1196	Lê Thị Bích	Thuận	Nữ	05/5/1982	Gia Lai	45.38	74	Không đạt
1197	MB-1197	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	Nữ	04/7/1983	Khánh Hòa	28.88	48	Không đạt
1198	MB-1198	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	16/02/1982	Thanh Hóa	21.25	46	Không đạt
1199	MB-1199	Cao Văn	Thuận	Nam	09/01/1989	Bắc Ninh	25.25	62	Không đạt
1200	MB-1200	Lê Thị Thanh	Thục	Nữ	01/02/1994	Khánh Hòa	28.50	50	Không đạt
1201	MB-1201	Nguyễn Thị	Thưng	Nữ	24/6/1988	Hà Nội	26.75	58	Không đạt
1202	MB-1202	Vi Diệp	Thương	Nữ	26/9/1995	Lạng Sơn	29.25	66	Không đạt
1203	MB-1203	Nguyễn Thị Hồng	Thương	Nữ	18/02/1986	Nghệ An	34.50	78	Không đạt
1204	MB-1204	Nguyễn Quỳnh	Thương	Nữ	08/10/1989	Nghệ An	34.75	68	Không đạt
1205	MB-1205	Dương Thị Thanh	Thương	Nữ	30/6/1993	Quảng Trị	18.88	46	Không đạt
1206	MB-1206	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	17/9/1976	Hà Nội	28.00	60	Không đạt
1207	MB-1207	Nguyễn Thị Thu	Thương	Nữ	18/10/1982	Nghệ An	25.00	50	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1208	MB-1208	Nguyễn Thị	Thường	Nữ	01/6/1984	Hà Nội			Không đạt
1209	MB-1209	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	11/12/1991	Thanh Hóa	39.50	72	Không đạt
1210	MB-1210	Phan Thị	Thúy	Nữ	06/01/1987	Đắk Lắk	41.00	64	Không đạt
1211	MB-1211	Bùi Thị	Thủy	Nữ	19/4/1999	Thanh Hóa	43.75	80	Không đạt
1212	MB-1212	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	30/10/1991	Bắc Ninh	44.25	72	Không đạt
1213	MB-1213	Mai Diệu	Thúy	Nữ	02/8/1991	Quảng Nam	44.63	82	Không đạt
1214	MB-1214	Nguyễn Thị Hà	Thúy	Nữ	30/01/1996	Đà Nẵng	31.50	88	Không đạt
1215	MB-1215	Lê Hồng	Thúy	Nữ	04/10/1990	Ninh Thuận	37.00	66	Không đạt
1216	MB-1216	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	Nữ	03/02/1989	Hà Nội	39.75	60	Không đạt
1217	MB-1217	Phạm Minh	Thúy	Nữ	30/07/1996	Quảng Ninh	30.75	64	Không đạt
1218	MB-1218	Chu Thị Minh	Thúy	Nữ	28/11/1994	Ninh Bình	31.38	62	Không đạt
1219	MB-1219	Mai Thị Như	Thúy	Nữ	27/6/1995	Quảng Nam	33.13	40	Không đạt
1220	MB-1220	Lê Thị Phương	Thúy	Nữ	17/7/1984	Quảng Ninh	30.88	34	Không đạt
1221	MB-1221	Trương Thanh	Thúy	Nữ	15/01/1987	Hà Nội	35.88	54	Không đạt
1222	MB-1222	Đỗ Thị	Thúy	Nữ	17/8/1980	Thanh Hóa	34.38	46	Không đạt
1223	MB-1223	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/02/1994	Hà Nội	51.25	70	Đạt
1224	MB-1224	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/11/1992	Bình Định	58.00	82	Đạt
1225	MB-1225	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	01/01/1994	Hà Nội	31.38	58	Không đạt
1226	MB-1226	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	08/5/1993	Nghệ An	41.25	46	Không đạt
1227	MB-1227	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/01/1995	Quảng Ninh	70.88	94	Đạt
1228	MB-1228	Phạm Thị	Thúy	Nữ	28/8/1996	Hà Nam	41.88	72	Không đạt
1229	MB-1229	Trần Thị	Thúy	Nữ	09/02/1987	Hải Dương	51.63	70	Đạt
1230	MB-1230	Trịnh Thị	Thúy	Nữ	02/6/1993	Hà Nội	47.75	72	Không đạt
1231	MB-1231	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	22/11/1990	Vĩnh Phúc	43.63	74	Không đạt
1232	MB-1232	Nguyễn Đình	Thủy	Nam	07/10/1988	Hà Nội	39.50	66	Không đạt
1233	MB-1233	Doãn	Thủy	Nam	30/3/1984	Quảng Ninh	50.88	74	Đạt
1234	MB-1234	Nông Thị Phương	Thủy	Nữ	10/9/1995	Lào Cai	27.00	74	Không đạt
1235	MB-1235	Ngô Thị	Thủy	Nữ	06/12/1994	Đắk Lắk	36.75	66	Không đạt
1236	MB-1236	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	27/12/1988	Quảng Ninh	39.25	74	Không đạt
1237	MB-1237	Hoàng Bích	Thủy	Nữ	10/12/1981	Nam Định	27.75	70	Không đạt
1238	MB-1238	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	17/8/1967	Phú Thọ	20.25	52	Không đạt
1239	MB-1239	Nguyễn Hoàng	Thủy	Nữ	08/10/1989	Gia Lai			Không đạt
1240	MB-1240	Đỗ Thị Hồng	Thủy	Nữ	26/7/1976	Hà Nội	32.50	62	Không đạt
1241	MB-1241	Cầm Thị Kim	Thủy	Nữ	07/10/1993	Sơn La	52.38	78	Đạt
1242	MB-1242	Nguyễn Phương	Thủy	Nữ	22/5/1995	Bắc Ninh	40.50	74	Không đạt
1243	MB-1243	Phạm Thị Phương	Thủy	Nữ	10/9/1995	Đà Nẵng	40.00	54	Không đạt
1244	MB-1244	Phan Đăng Thanh	Thủy	Nữ	20/4/1991	Thừa Thiên Huế	21.00	52	Không đạt
1245	MB-1245	Doãn Thanh	Thủy	Nữ	21/02/1982	Hà Nội	45.88	68	Không đạt
1246	MB-1246	Đinh Thị Thanh	Thủy	Nữ	11/3/1984	Thái Nguyên	23.13	56	Không đạt
1247	MB-1247	Đồng Thị Thanh	Thủy	Nữ	06/7/1995	Hà Tĩnh	30.00	66	Không đạt
1248	MB-1248	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	19/11/1999	Hà Nội	33.63	66	Không đạt
1249	MB-1249	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	24/01/1983	Ninh Bình	35.25	60	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1250	MB-1250	Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	10/6/1985	Hải Phòng	35.75	54	Không đạt
1251	MB-1251	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	01/10/1991	Bắc Ninh	39.63	82	Không đạt
1252	MB-1252	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	08/8/1996	Hà Nội	44.25	72	Không đạt
1253	MB-1253	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	20/10/1981	Hà Nội	22.38	38	Không đạt
1254	MB-1254	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	14/11/1966	Sơn La	39.38	64	Không đạt
1255	MB-1255	Phạm Thị	Thủy	Nữ	09/12/1964	Hưng Yên	12.25	46	Không đạt
1256	MB-1256	Trịnh Thị	Thủy	Nữ	28/9/1993	Hà Nội	41.50	70	Không đạt
1257	MB-1257	Trần Lê Thu	Thủy	Nữ	09/7/1995	Đà Nẵng	50.63	74	Đạt
1258	MB-1258	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	01/8/1995	Hà Nội	59.63	84	Đạt
1259	MB-1259	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	03/5/1999	Hà Nội	36.00	68	Không đạt
1260	MB-1260	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	07/8/1989	Bình Định	40.25	54	Không đạt
1261	MB-1261	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	25/9/1992	Hà Nội	53.75	74	Đạt
1262	MB-1262	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	28/11/1996	Thừa Thiên Huế	41.88	58	Không đạt
1263	MB-1263	Nguyễn Duy	Thụy	Nam	20/10/1991	Thái Bình	35.00	80	Không đạt
1264	MB-1264	Nguyễn Văn	Thụy	Nam	22/12/1985	Quảng Ninh	26.00	44	Không đạt
1265	MB-1265	Đông Thị Minh	Thy	Nữ	22/8/1996	Đà Nẵng	52.50	64	Đạt
1266	MB-1266	Dương Thy	Thy	Nữ	20/3/1997	Khánh Hòa	41.25	72	Không đạt
1267	MB-1267	Bùi Thị Thủy	Tiên	Nữ	29/01/1995	Hải Phòng	57.38	60	Đạt
1268	MB-1268	Bùi Thị Thùy	Tiên	Nữ	30/9/1995	Thái Bình	39.75	76	Không đạt
1269	MB-1269	Hoàng Quang	Tiến	Nam	11/12/1978	Hà Nội	26.75	50	Không đạt
1270	MB-1270	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	20/01/1993	Bắc Ninh	33.50	54	Không đạt
1271	MB-1271	Hoàng Trung	Tiến	Nam	19/7/1995	Hà Nội	56.25	58	Đạt
1272	MB-1272	Lâm Văn	Tiến	Nam	06/6/1995	Vĩnh Phúc	29.88	66	Không đạt
1273	MB-1273	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	10/4/1995	Hà Tĩnh	54.00	80	Đạt
1274	MB-1274	Phạm Xuân	Tiến	Nam	03/02/1990	Hà Nội	33.13	52	Không đạt
1275	MB-1275	Vũ Đức	Tiếp	Nam	08/9/1991	Bắc Giang	39.00	72	Không đạt
1276	MB-1276	Trần Văn	Tín	Nam	29/4/1994	Đà Nẵng	31.38	62	Không đạt
1277	MB-1277	Nguyễn Phú	Tĩnh	Nam	20/11/1991	Quảng Nam	23.50	38	Không đạt
1278	MB-1278	Nguyễn Thị	Tĩnh	Nữ	01/5/1993	Đắk Lắk	41.25	76	Không đạt
1279	MB-1279	Đinh Văn	Tĩnh	Nam	16/7/1960	Nam Định	18.88	56	Không đạt
1280	MB-1280	Đinh Xuân	Tĩnh	Nam	20/7/1979	Đắk Lắk	26.88	50	Không đạt
1281	MB-1281	Nguyễn Văn	Toại	Nam	24/11/1964	Khánh Hòa			Không đạt
1282	MB-1282	Nguyễn Thị	Toán	Nữ	01/02/1991	Hà Nội	37.63	56	Không đạt
1283	MB-1283	Nguyễn Dương	Toàn	Nam	18/01/1976	Hải Dương	39.00	72	Không đạt
1284	MB-1284	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	25/3/1995	Hà Nội	44.50	70	Không đạt
1285	MB-1285	Nguyễn Khánh	Toàn	Nam	10/01/1994	Ninh Thuận	39.50	60	Không đạt
1286	MB-1286	Nguyễn Mạnh	Toàn	Nam	27/9/1971	Hải Phòng	20.38	34	Không đạt
1287	MB-1287	Nguyễn Ngọc	Toàn	Nam	29/6/1975	Hà Nội	36.88	68	Không đạt
1288	MB-1288	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/4/1995	Hà Nội	44.00	52	Không đạt
1289	MB-1289	Nguyễn Anh	Trà	Nữ	12/02/1962	Hà Nội	23.13	44	Không đạt
1290	MB-1290	Bạch Hương	Trà	Nữ	26/11/1981	Hải Phòng	29.38	56	Không đạt
1291	MB-1291	Lê Thị	Trà	Nữ	28/6/1991	Hà Nội	45.75	76	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1292	MB-1292	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	Nữ	13/5/1994	Quảng Ngãi	31.13	68	Không đạt
1293	MB-1293	Lương Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	14/5/1995	Gia Lai	39.13	50	Không đạt
1294	MB-1294	Phạm Thị Thúy	Trâm	Nữ	26/3/1985	Nghệ An	20.38	48	Không đạt
1295	MB-1295	Phạm Bảo	Trân	Nữ	31/5/1986	Phú Yên	52.63	74	Đạt
1296	MB-1296	Lê Thị Đài	Trang	Nữ	27/10/1993	Kon Tum	52.38	74	Đạt
1297	MB-1297	Đặng Thị Diệp	Trang	Nữ	03/8/1997	Quảng Nam	34.13	60	Không đạt
1298	MB-1298	Nguyễn Thị Doan	Trang	Nữ	10/5/1995	Hà Nội	43.38	62	Không đạt
1299	MB-1299	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	13/6/1984	Quảng Nam			Không đạt
1300	MB-1300	Trần Thị Hải	Trang	Nữ	09/10/1993	Ninh Bình	38.00	58	Không đạt
1301	MB-1301	Trịnh Hồng	Trang	Nữ	16/3/1997	Quảng Ninh	41.38	70	Không đạt
1302	MB-1302	Nguyễn Thị Hương	Trang	Nữ	08/3/1971	Phú Yên	20.38	54	Không đạt
1303	MB-1303	Mai Huyền	Trang	Nữ	14/12/1990	Bắc Kạn	39.88	76	Không đạt
1304	MB-1304	Hà Thị Huyền	Trang	Nữ	28/01/1993	Lai Châu			Không đạt
1305	MB-1305	Lương Thị Huyền	Trang	Nữ	21/01/1992	Đắk Lắk	35.25	62	Không đạt
1306	MB-1306	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	24/3/1989	Hà Nội	26.38	52	Không đạt
1307	MB-1307	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	19/7/1994	Hà Nội	30.13	62	Không đạt
1308	MB-1308	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/10/1991	Thanh Hóa	44.63	70	Không đạt
1309	MB-1309	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/5/1986	Thanh Hóa	35.13	62	Không đạt
1310	MB-1310	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	11/10/1989	Hải Phòng	21.00	60	Không đạt
1311	MB-1311	Phan Thị Huyền	Trang	Nữ	13/10/1994	Hà Nội	28.13	54	Không đạt
1312	MB-1312	Trịnh Huyền	Trang	Nữ	14/8/1994	Hòa Bình	39.88	56	Không đạt
1313	MB-1313	Trần Thị Minh	Trang	Nữ	03/10/1994	Quảng Ninh	32.25	78	Không đạt
1314	MB-1314	Triệu Minh	Trang	Nữ	26/8/1995	Hà Nội	33.25	48	Không đạt
1315	MB-1315	Đặng Quỳnh	Trang	Nữ	19/12/1995	Lào Cai	22.00	54	Không đạt
1316	MB-1316	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	01/01/1981	Hải Phòng	50.50	56	Đạt
1317	MB-1317	Lê Ngọc Quỳnh	Trang	Nữ	27/01/1997	Nghệ An	24.25	60	Không đạt
1318	MB-1318	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	16/10/1988	Hải Phòng	41.75	78	Không đạt
1319	MB-1319	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/02/1997	Nghệ An	50.00	76	Đạt
1320	MB-1320	Tổng Quỳnh	Trang	Nữ	13/10/1994	Hà Nội	25.25	64	Không đạt
1321	MB-1321	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	31/8/1992	Hà Nội	45.88	80	Không đạt
1322	MB-1322	Nguyễn Cao Thảo	Trang	Nữ	17/11/1993	Đắk Lắk			Không đạt
1323	MB-1323	Lê Thị Thảo	Trang	Nữ	12/12/1996	Hải Dương	35.75	66	Không đạt
1324	MB-1324	Đào Thị	Trang	Nữ	15/8/1987	Hà Nội	35.38	68	Không đạt
1325	MB-1325	Dương Thị	Trang	Nữ	23/6/1986	Hà Nội	36.25	56	Không đạt
1326	MB-1326	Lê Thị	Trang	Nữ	14/4/1998	Thanh Hóa	37.25	70	Không đạt
1327	MB-1327	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	51.63	68	Đạt
1328	MB-1328	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/5/1993	Quảng Bình	51.25	70	Đạt
1329	MB-1329	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	12/10/1991	Thanh Hóa	40.00	72	Không đạt
1330	MB-1330	Trần Thị	Trang	Nữ	26/4/1994	Đắk Lắk	31.50	66	Không đạt
1331	MB-1331	Triệu Thị	Trang	Nữ	15/12/1990	Hà Nội	37.25	68	Không đạt
1332	MB-1332	Vũ Thị	Trang	Nữ	30/9/1995	Khánh Hòa	0.00	72	Không đạt
1333	MB-1333	Hà Thu	Trang	Nữ	09/10/1994	Quảng Ninh	44.88	70	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1334	MB-1334	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	10/4/1998	Hải Dương	32.75	42	Không đạt
1335	MB-1335	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	26/9/1996	Hà Nội	51.25	78	Đạt
1336	MB-1336	Mai Thị Thu	Trang	Nữ	28/8/1992	Hà Giang	34.63	68	Không đạt
1337	MB-1337	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	31/10/1995	Hà Nội			Không đạt
1338	MB-1338	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	25/8/1992	Tuyên Quang	41.50	76	Không đạt
1339	MB-1339	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	15/8/1992	Hà Nội	53.75	72	Đạt
1340	MB-1340	Đoàn Thuý	Trang	Nữ	21/5/1983	Thanh Hóa	27.00	38	Không đạt
1341	MB-1341	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	09/5/1996	Quảng Ngãi	16.25	34	Không đạt
1342	MB-1342	Đặng Văn	Trang	Nam	12/5/1991	Quảng Nam	29.00	70	Không đạt
1343	MB-1343	Đặng Hùng	Trắng	Nam	03/11/1981	Bình Định	19.00	68	Không đạt
1344	MB-1344	Lê Văn	Tri	Nam	31/01/1985	Khánh Hòa	30.75	64	Không đạt
1345	MB-1345	Đàm Ngọc	Trí	Nam	10/4/1982	Khánh Hòa	44.00	68	Không đạt
1346	MB-1346	Bùi Văn	Trì	Nam	06/7/1985	Nghệ An	50.50	82	Đạt
1347	MB-1347	Nguyễn Thị Huyền	Trình	Nữ	08/02/1988	Hà Nội	50.63	86	Đạt
1348	MB-1348	Mai Ngọc	Trình	Nữ	07/7/1993	Đắk Lắk	50.25	90	Đạt
1349	MB-1349	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	30/5/1995	Hà Nội	12.13	62	Không đạt
1350	MB-1350	Đặng Thị Thùy	Trình	Nữ	05/6/1994	Quảng Nam	28.75	58	Không đạt
1351	MB-1351	Đặng Thị Tú	Trình	Nữ	19/01/1996	Đắk Lắk	35.75	72	Không đạt
1352	MB-1352	Phan Thị Tuyết	Trình	Nữ	19/7/1991	Vĩnh Phúc	40.13	72	Không đạt
1353	MB-1353	Nguyễn Việt	Trình	Nữ	09/11/1994	Vĩnh Phúc	35.75	68	Không đạt
1354	MB-1354	Mã Thị	Trình	Nữ	10/5/1991	Hà Nội	50.00	74	Đạt
1355	MB-1355	Võ Đăng	Trình	Nam	19/9/1996	Phú Yên	39.75	68	Không đạt
1356	MB-1356	Trần Thị	Trọng	Nữ	12/10/1986	Nghệ An	36.50	74	Không đạt
1357	MB-1357	Đỗ Thạch	Trụ	Nam	03/6/1995	Quảng Nam	39.75	82	Không đạt
1358	MB-1358	Nguyễn Thị Anh	Trúc	Nữ	06/5/1994	Quảng Nam	32.75	52	Không đạt
1359	MB-1359	Thái Bảo	Trung	Nam	01/7/1993	Nghệ An	19.75	46	Không đạt
1360	MB-1360	Nguyễn Duy	Trung	Nam	01/9/1992	Lai Châu	37.13	78	Không đạt
1361	MB-1361	Nguyễn Hiếu	Trung	Nam	25/3/1976	Hà Nội	25.63	58	Không đạt
1362	MB-1362	Trần Nam	Trung	Nam	02/8/1978	Gia Lai	24.63	72	Không đạt
1363	MB-1363	Trần Thành	Trung	Nam	05/02/1979	Hà Nội	37.00	74	Không đạt
1364	MB-1364	Đào Văn	Trung	Nam	12/8/1975	Hải Dương	18.25	54	Không đạt
1365	MB-1365	Vũ Đình	Trường	Nam	19/7/1970	Quảng Ninh	27.38	42	Không đạt
1366	MB-1366	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	21/11/1994	Hà Nội	39.13	64	Không đạt
1367	MB-1367	Vũ Tài	Trường	Nam	28/4/1984	Bắc Ninh			Không đạt
1368	MB-1368	Hồ Xuân	Trường	Nam	15/9/1983	Khánh Hòa			Không đạt
1369	MB-1369	Lò Xuân	Trường	Nam	11/10/1986	Sơn La	25.50	56	Không đạt
1370	MB-1370	Lê Trọng	Trường	Nam	11/01/1992	Hung Yên	17.00	50	Không đạt
1371	MB-1371	Nguyễn Thị Nhật	Truyền	Nữ	20/6/1987	Khánh Hòa	34.38	68	Không đạt
1372	MB-1372	Lê Anh	Tú	Nam	15/02/1996	Quảng Nam	33.75	54	Không đạt
1373	MB-1373	Nguyễn Anh	Tú	Nam	13/3/1983	Hà Nội	17.75	46	Không đạt
1374	MB-1374	Phạm Anh	Tú	Nam	20/02/1997	Hà Nội	39.13	72	Không đạt
1375	MB-1375	Vũ Anh	Tú	Nam	10/11/1991	Quảng Ninh	11.75	68	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1376	MB-1376	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	08/12/1995	Hà Nội	45.50	78	Không đạt
1377	MB-1377	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	20/7/1994	Nghệ An	21.13	66	Không đạt
1378	MB-1378	Vũ Thị Cẩm	Tú	Nữ	04/10/1996	Nghệ An	30.50	64	Không đạt
1379	MB-1379	Dương Quang	Tú	Nam	10/10/1992	Gia Lai	50.25	84	Đạt
1380	MB-1380	Đào Thị Thủy	Tú	Nữ	31/12/1990	Phú Thọ	29.50	66	Không đạt
1381	MB-1381	Nguyễn Hữu	Tuân	Nam	22/02/1986	Hà Nội	26.25	60	Không đạt
1382	MB-1382	Trần Ngọc	Tuân	Nam	03/6/1984	Phú Thọ	31.00	56	Không đạt
1383	MB-1383	Hoàng Anh	Tuấn	Nam	03/02/1978	Quảng Bình	22.25	48	Không đạt
1384	MB-1384	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/6/1978	Bắc Giang	23.38	54	Không đạt
1385	MB-1385	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	11/4/1985	Hà Nội	17.75	52	Không đạt
1386	MB-1386	Phạm Anh	Tuấn	Nam	01/12/1989	Hà Nội	28.13	78	Không đạt
1387	MB-1387	Nguyễn Đăng	Tuấn	Nam	28/8/1976	Thanh Hóa	8.75	42	Không đạt
1388	MB-1388	Hoàng Diệu	Tuấn	Nam	30/10/1972	Hòa Bình	29.38	64	Không đạt
1389	MB-1389	Lê Khắc	Tuấn	Nam	09/10/1987	Hà Nội	33.50	50	Không đạt
1390	MB-1390	Trịnh Quang	Tuấn	Nam	15/3/1976	Hà Nội	20.25	30	Không đạt
1391	MB-1391	Phan Tấn	Tuấn	Nam	09/6/1993	Đắk Lắk	27.63	66	Không đạt
1392	MB-1392	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	12/8/1993	Ninh Bình	28.25	74	Không đạt
1393	MB-1393	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	21/3/1984	Quảng Nam	22.50	40	Không đạt
1394	MB-1394	Trần Thanh	Tuấn	Nam	02/9/1995	Thừa Thiên Huế	25.13	64	Không đạt
1395	MB-1395	Mai Văn	Tuấn	Nam	30/6/1992	Vĩnh Phúc	32.88	56	Không đạt
1396	MB-1396	Lý Việt	Tuấn	Nam	01/8/1995	Quảng Ninh	26.63	56	Không đạt
1397	MB-1397	Trần Trọng Việt	Tuấn	Nam	18/8/1993	Đắk Lắk	35.50	70	Không đạt
1398	MB-1398	Nguyễn Công	Tuệ	Nam	08/02/1996	Thái Nguyên	36.50	62	Không đạt
1399	MB-1399	Phạm Duy	Tùng	Nam	20/11/1994	Quảng Ninh	34.63	54	Không đạt
1400	MB-1400	Trịnh Minh	Tùng	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	45.75	66	Không đạt
1401	MB-1401	Trần Quang	Tùng	Nam	16/02/1996	Thanh Hóa	25.00	52	Không đạt
1402	MB-1402	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	20/8/1991	Nam Định	11.75	62	Không đạt
1403	MB-1403	Trần Thanh	Tùng	Nam	10/11/1985	Hà Nội	19.25	50	Không đạt
1404	MB-1404	Nguyễn Minh	Tửu	Nam	06/5/1991	Đắk Lắk	38.50	80	Không đạt
1405	MB-1405	Nguyễn Hữu	Túy	Nam	24/8/1979	Hà Nội	17.00	50	Không đạt
1406	MB-1406	Đỗ Thị	Tuyên	Nữ	18/4/1986	Bắc Ninh	27.13	46	Không đạt
1407	MB-1407	Phạm Tuấn	Tuyên	Nam	10/7/1992	Tuyên Quang	8.13	42	Không đạt
1408	MB-1408	Nguyễn Đức	Tuyến	Nam	05/12/1995	Quảng Nam	23.63	84	Không đạt
1409	MB-1409	Nguyễn Văn	Tuyến	Nam	10/12/1979	Thừa Thiên Huế	54.75	90	Đạt
1410	MB-1410	Nguyễn Thị Lâm	Tuyến	Nữ	11/12/1991	Phú Yên	37.25	64	Không đạt
1411	MB-1411	Đào Thanh	Tuyến	Nữ	10/7/1994	Vĩnh Phúc	41.25	46	Không đạt
1412	MB-1412	Đỗ Thị	Tuyến	Nữ	24/5/1990	Hà Nội	50.25	80	Đạt
1413	MB-1413	Đoàn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	24/10/1987	Hà Tĩnh	44.50	78	Không đạt
1414	MB-1414	Vũ Mai	Tuyết	Nữ	26/10/1991	Hà Nội	51.00	66	Đạt
1415	MB-1415	Đỗ Thị Thanh	Tuyết	Nữ	21/01/1993	Hà Nội	60.50	74	Đạt
1416	MB-1416	Lê Thị	Tuyết	Nữ	24/6/1986	Hà Nội	19.75	64	Không đạt
1417	MB-1417	Văn Thị	Tuyết	Nữ	17/12/1996	Thanh Hóa	53.00	78	Đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1418	MB-1418	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	Nữ	26/10/1987	Đà Nẵng	38.75	52	Không đạt
1419	MB-1419	Đặng Thị Phương	Uyên	Nữ	18/8/1995	Khánh Hòa	34.75	70	Không đạt
1420	MB-1420	Đỗ Thị Tố	Uyên	Nữ	03/5/1997	Thanh Hóa	20.75	64	Không đạt
1421	MB-1421	Nguyễn Thị Trâm	Uyên	Nữ	25/7/1997	Đắk Lắk	41.50	78	Không đạt
1422	MB-1422	Nguyễn Hoàng Phi	Uyên	Nữ	10/8/1991	Nghệ An	58.00	64	Đạt
1423	MB-1423	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	20/7/1991	Quảng Ninh	51.00	70	Đạt
1424	MB-1424	Dương Thị Cẩm	Vân	Nữ	24/10/1997	Thanh Hóa	16.25	54	Không đạt
1425	MB-1425	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	16/8/1994	Vĩnh Phúc			Không đạt
1426	MB-1426	Hồ Hà	Vân	Nữ	18/02/1986	Đắk Lắk	50.25	62	Đạt
1427	MB-1427	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	29/11/1993	Hà Nội	53.75	66	Đạt
1428	MB-1428	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	03/3/1998	Hà Nội	51.25	80	Đạt
1429	MB-1429	Lý Khánh	Vân	Nữ	02/6/1994	Lào Cai			Không đạt
1430	MB-1430	Đồng Thị Khánh	Vân	Nữ	12/6/1981	Vĩnh Phúc	25.25	66	Không đạt
1431	MB-1431	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	16/8/1988	Nam Định	50.25	76	Đạt
1432	MB-1432	Hoàng Thị	Vân	Nữ	09/12/1972	Hung Yên	21.75	42	Không đạt
1433	MB-1433	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/9/1991	Nghệ An	52.50	66	Đạt
1434	MB-1434	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	01/9/1957	Ninh Thuận	37.75	52	Không đạt
1435	MB-1435	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	30/12/1995	Vĩnh Phúc	35.50	54	Không đạt
1436	MB-1436	Trần Thị	Vân	Nữ	10/7/1993	Hà Tĩnh	54.25	76	Đạt
1437	MB-1437	Nguyễn Thị Thu	Vân	Nữ	09/11/1983	Kon Tum	28.50	40	Không đạt
1438	MB-1438	Lê Thị Tường	Vân	Nữ	08/5/1983	Hải Dương	50.00	74	Đạt
1439	MB-1439	Vũ Hữu	Văn	Nam	20/01/1961	Hải Phòng	40.50	64	Không đạt
1440	MB-1440	Trần Minh	Văn	Nam	24/3/1979	Thanh Hóa			Không đạt
1441	MB-1441	Nguyễn Hồng	Văn	Nam	09/8/1962	Hà Nội			Không đạt
1442	MB-1442	Nguyễn Thị Anh	Vi	Nữ	16/12/1997	Kon Tum	53.25	94	Đạt
1443	MB-1443	Trần Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	05/4/1996	Gia Lai	51.88	60	Đạt
1444	MB-1444	Đặng Thị	Vi	Nữ	03/6/1991	Vĩnh Phúc	25.25	48	Không đạt
1445	MB-1445	Cao Thị Thu	Vi	Nữ	29/9/1996	Kon Tum			Không đạt
1446	MB-1446	Phạm Thị Thúy	Vi	Nữ	02/01/1993	Khánh Hòa	41.00	54	Không đạt
1447	MB-1447	Phạm Thảo	Vi	Nữ	08/6/1996	Bình Định	32.38	56	Không đạt
1448	MB-1448	Võ Thị Tường	Vi	Nữ	15/7/1990	Quảng Nam	46.50	68	Không đạt
1449	MB-1449	Lê Xuân	Vĩ	Nữ	28/8/1993	Quảng Nam	50.25	68	Đạt
1450	MB-1450	Phạm Kim	Viên	Nam	04/9/1987	Quảng Nam	25.25	60	Không đạt
1451	MB-1451	Nguyễn Thị	Viễn	Nữ	04/12/1993	Quảng Ngãi	30.50	74	Không đạt
1452	MB-1452	Nguyễn	Việt	Nam	26/12/1984	Hà Nội	6.88	46	Không đạt
1453	MB-1453	Trần Quốc	Việt	Nam	07/6/1977	Thanh Hóa	28.00	68	Không đạt
1454	MB-1454	Trần Thị	Việt	Nữ	16/12/1964	Đắk Lắk	10.25	28	Không đạt
1455	MB-1455	Phạm	Vinh	Nam	08/8/1981	Quảng Nam	20.50	54	Không đạt
1456	MB-1456	Lâm Quốc	Vinh	Nam	25/3/1974	Quảng Nam	31.50	76	Không đạt
1457	MB-1457	Lê Thị	Vinh	Nữ	20/6/1989	Thanh Hóa			Không đạt
1458	MB-1458	Hán Văn	Vinh	Nam	25/9/1993	Phú Thọ	50.00	86	Đạt
1459	MB-1459	Nguyễn Đắc Tường	Vĩnh	Nam	03/02/1988	Quảng Nam	26.00	72	Không đạt

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết quả
1460	MB-1460	Doãn Hoàng	Vũ	Nam	10/11/1989	Nam Định	37.00	56	Không đạt
1461	MB-1461	Trần Khánh	Vũ	Nam	15/10/1992	Hà Nội	32.50	70	Không đạt
1462	MB-1462	Bùi Nguyên	Vũ	Nam	21/9/1984	Khánh Hòa	35.13	60	Không đạt
1463	MB-1463	Đào Nguyễn	Vũ	Nam	13/3/1983	Hung Yên	23.00	48	Không đạt
1464	MB-1464	Đinh Quang	Vũ	Nam	19/3/1993	Đà Nẵng	30.25	58	Không đạt
1465	MB-1465	Đặng Quốc	Vũ	Nam	10/11/1972	Hà Nội	33.13	58	Không đạt
1466	MB-1466	Bùi Thanh	Vũ	Nam	22/11/1983	Quảng Bình	28.00	66	Không đạt
1467	MB-1467	Dương Thanh	Vũ	Nam	08/6/1998	Gia Lai	34.25	66	Không đạt
1468	MB-1468	Hoàng Trung	Vũ	Nam	10/10/1991	Thanh Hóa	8.13	46	Không đạt
1469	MB-1469	Nguyễn Nhật	Vui	Nam	15/9/1995	Phú Yên	29.50	58	Không đạt
1470	MB-1470	Trần Trọng	Vượng	Nam	15/01/1963	Quảng Bình	50.63	84	Đạt
1471	MB-1471	Phạm Hà	Vy	Nữ	09/3/1997	Kon Tum	23.50	68	Không đạt
1472	MB-1472	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	20/7/1995	Phú Yên	24.25	68	Không đạt
1473	MB-1473	Trần Võ Hoàng	Vỹ	Nữ	01/01/1991	Khánh Hòa	38.25	60	Không đạt
1474	MB-1474	Nguyễn Thị	Xoan	Nữ	01/02/1974	Quảng Ninh			Không đạt
1475	MB-1475	Nguyễn Thị Kim	Xuân	Nữ	20/9/1975	Khánh Hòa	28.25	50	Không đạt
1476	MB-1476	Lê Thị	Xuân	Nữ	02/9/1994	Hải Dương	49.00	76	Không đạt
1477	MB-1477	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/3/1984	Nghệ An	50.50	60	Đạt
1478	MB-1478	Vũ Thị	Xuân	Nữ	22/02/1987	Thái Nguyên	32.25	70	Không đạt
1479	MB-1479	Phạm Thanh	Xuyên	Nam	03/8/1990	Hà Nội	50.50	70	Đạt
1480	MB-1480	Đỗ Thị Hồng	Yên	Nữ	05/8/1993	Đà Nẵng	28.25	56	Không đạt
1481	MB-1481	Đặng Hải	Yến	Nữ	18/10/1973	Bắc Giang	37.50	66	Không đạt
1482	MB-1482	Nguyễn Diệp Hải	Yến	Nữ	30/12/1997	Hà Nội	39.00	56	Không đạt
1483	MB-1483	Chu Lữ Hải	Yến	Nữ	16/02/1987	Hà Nội	45.75	62	Không đạt
1484	MB-1484	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	14/8/1991	Bắc Giang	45.50	72	Không đạt
1485	MB-1485	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	30/10/1987	Hà Nội	41.25	62	Không đạt
1486	MB-1486	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	16/10/1993	Hà Nội	39.25	76	Không đạt
1487	MB-1487	Lại Thị Hải	Yến	Nữ	13/12/1992	Hà Nội	28.63	60	Không đạt
1488	MB-1488	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/10/1982	Hải Phòng	48.00	54	Không đạt
1489	MB-1489	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	31/10/1992	Lạng Sơn	27.75	68	Không đạt
1490	MB-1490	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	15/01/1997	Quảng Bình	28.63	50	Không đạt
1491	MB-1491	Quách Thị Hải	Yến	Nữ	15/4/1989	Thanh Hóa	39.75	34	Không đạt
1492	MB-1492	Đỗ Thị Hoàng	Yến	Nữ	09/10/1992	Quảng Ninh	53.88	62	Đạt
1493	MB-1493	Kiều Kiều	Yến	Nữ	03/02/1991	Quảng Nam	29.25	78	Không đạt
1494	MB-1494	Lê Thị Thanh Hiền	Yến	Nữ	01/02/1976	Hà Nội	22.25	40	Không đạt
1495	MB-1495	Khuất Thị	Yến	Nữ	02/7/1992	Hà Nội	22.75	66	Không đạt
1496	MB-1496	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	18/5/1996	Hà Tĩnh	41.50	78	Không đạt
1497	MB-1497	Phạm Thị	Yến	Nữ	15/6/1982	Hà Nội	31.63	70	Không đạt

Thy